

CTY CP DỊCH VỤ Ô TÔ
HÀNG XANH

Số : 143/2022/CV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Chứng khoán TP HCM**

Tên tổ chức phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Mã chứng khoán: HAX

Trụ sở chính: 333 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Điện thoại: 028 3512 0026

Fax: 028 3512 0025

Người thực hiện công bố thông tin: ĐỖ TIẾN DŨNG

Loại thông tin công bố: Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo đường dẫn như sau:
<http://www.haxaco.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Người thực hiện công bố thông tin



ĐỖ TIẾN DŨNG
Chủ tịch HĐQT



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2021**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

www.haxaco.com.vn



MỤC LỤC

05

PHẦN 1: GIỚI THIỆU VỀ HAXACO

- 06 Thông tin khái quát
- 14 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 16 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 20 Định hướng phát triển
- 22 Các rủi ro

24

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 26 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 28 Tổ chức và nhân sự
- 33 Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- 34 Tình hình tài chính
- 38 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 40 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

44

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 46 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 48 Tình hình tài chính
- 52 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 54 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 56 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

58

PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 60 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- 60 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 61 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

62

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 64 Hội đồng quản trị
- 70 Ủy ban kiểm toán
- 72 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán

76

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2021



PHẦN 1

GIỚI THIỆU VỀ HAXACO

- 06** Thông tin khái quát
- 14** Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 16** Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 20** Định hướng phát triển
- 22** Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Tên doanh nghiệp bằng tên quốc tế : HANG XANH MOTORS SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên doanh nghiệp viết tắt : HAXACO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : số 0302000126 được Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 17/05/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 22/11/2021



Vốn điều lệ

495.169.820.000 VNĐ

Địa chỉ : 333 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (028) 3512 0026

Số fax : (028) 3512 0025

Website : <http://www.haxaco.com.vn>

Mã cổ phiếu : HAX





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1992

Tiền thân của Công ty là Cửa hàng Trưng bày và Xưởng sửa chữa xe Ô tô (SAMCO 3), trực thuộc Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn, nay là Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn TNHH MTV được thành lập.

1999

Công ty được cổ phần hoá và chuyển thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh với vốn điều lệ là 4,5 tỷ đồng với các ngành nghề kinh doanh như: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại xe Ô tô; Đại lý mua bán Ô tô và phụ tùng các loại.

2000

HAXACO chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Sau khi cổ phần hóa, HAXACO đã có những bước phát triển về quy mô và lĩnh vực hoạt động.

HAXACO trở thành Đại lý của Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam (MBV) và Xí nghiệp Liên doanh Sản xuất ô tô Hoà Bình (VMC). Công ty cũng bổ sung thêm một số hoạt động mới, bao gồm: Đóng mới thùng xe các loại; mua bán và cho thuê xe Ô tô; mua bán phụ tùng, máy móc thiết bị chuyên ngành Ô tô.

2001 - 2003

Năm 2001: HAXACO phát triển thêm hoạt động thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ.

Năm 2002: HAXACO đạt chứng nhận ISO 9001:2000 do tổ chức Quacert và JAS - ANZ của NewZealand cấp trên 2 lĩnh vực: đại lý bán Ô tô và cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa Ô tô.

Năm 2003: HAXACO phát hành thêm 67.500 cổ phiếu và nâng vốn điều lệ lên 11,25 tỷ đồng.

2004

HAXACO chính thức trở thành nhà phân phối đầu tiên của Mercedes-Benz tại Việt Nam. Đây là cột mốc quan trọng đánh dấu sự nỗ lực hoàn thiện không ngừng để đạt được các tiêu chuẩn quốc tế của Mercedes-Benz Việt Nam đưa ra.

2005 - 2006

Năm 2005: Công ty phát hành thêm 500.730 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ lên 16.257.300.000 đồng

Năm 2006: Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

2008

HAXACO chào bán 2.705.481 cổ phiếu ra công chúng nâng vốn điều lệ lên 43.312.110.000 đồng.

Công ty khai trương Showroom thứ 2 tại 104 Nguyễn Văn Cừ TP.Hồ Chí Minh.

2009

HAXACO chào bán 3.724.635 cổ phiếu ra công chúng nâng vốn điều lệ lên 80.558.460.000 đồng.

2010

Công ty khai trương HAXACO Cần Thơ, trở thành Công ty Mẹ của Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ với tỷ lệ sở hữu là 85,89%.

2011

HAXACO phát hành 3.060.323 cổ phiếu trả cổ tức và cổ phiếu thưởng nâng vốn điều lệ lên 111.161.690.000 đồng.

Công ty khai trương HAXACO Võ Văn Kiệt.

2014 - 2015

Năm 2014: HAXACO nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh Hà Nội.

Năm 2015: Công ty khai trương Chi nhánh HAXACO Hà Nội tại 46 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội.

2016

HAXACO phát hành cổ phiếu để hoán đổi với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (PTM). Theo đó, HAXACO trở thành Công ty mẹ của PTM, chiếm 92,7% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của PTM. Đồng thời, HAXACO cũng tăng vốn tại PTM nâng tỷ lệ sở hữu lên 94,38%.

Công ty thành lập Chi nhánh Kim Giang tại 256 Kim Giang, Quận Hoàng Mai, TP.Hà Nội.

2018

Năm đầu tiên trong vòng gần 10 năm qua, HAXACO vươn lên vị trí dẫn đầu các đại lý phân phối xe Mercedes-Benz tại Việt Nam. Thị phần bán xe của HAXACO đạt 38% trong năm 2018, đánh dấu một mốc son lịch sử đáng nhớ đồng thời cũng khẳng định vị trí và thương hiệu hàng đầu của HAXACO.

2019

HAXACO đã đạt được nhiều giải thưởng, cả 04 Đại lý của HAXACO Điện Biên Phủ, Láng Hạ, Kim Giang và Võ Văn Kiệt đều đạt được các thành tích cao trong bảng xếp hạng các Đại lý của Mercedes-Benz Việt Nam.

2020

HAXACO được vinh danh trong Top 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam và Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2020 do Vietnam Report và báo Vietnamnet tổ chức thực hiện.

2021- nay

Tiếp tục phát huy vị thế, cả 04 Đại lý của HAXACO Điện Biên Phủ, Láng Hạ, Kim Giang và Võ Văn Kiệt đều vượt xuất sắc chỉ tiêu doanh số bán hàng và nằm trong top đầu đại lý về doanh số bán xe Mercedes-Benz tại thị trường Việt Nam.



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÁC SỰ KIỆN KHÁC

Hiện nay, HAXACO là nhà phân phối Mercedes-Benz có chất lượng dịch vụ sửa chữa hàng đầu Việt Nam, tạo được thương hiệu và chiếm được thị phần khá lớn trong dòng xe Ô tô cao cấp Mercedes-Benz.

HAXACO ĐIỆN BIÊN PHỦ

- » Đạt danh hiệu Đại lý xuất sắc nhất năm 2020;
- » Đạt danh hiệu Đại lý kinh doanh phụ tùng xuất sắc nhất năm 2020;
- » Đạt giải thưởng Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2020;
- » Đạt giải thưởng Tư vấn bán hàng xe đã qua sử dụng xuất sắc nhất năm 2020;
- » Đạt giải thưởng Chuyên gia sản phẩm xuất sắc nhất năm 2020;
- » Đạt danh hiệu Đại lý hiệu quả nhất năm 2021;
- » Đạt danh hiệu Showroom của năm năm 2021;
- » Đạt giải thưởng Xưởng dịch vụ của năm năm 2021;
- » Đạt giải thưởng Xưởng dịch vụ trung thành thương hiệu nhất năm 2021.

HAXACO VĨ VĂN KIỆT

- » Đại lý tiêu thụ phụ tùng xuất sắc nhất năm 2020;
- » Đại lý kinh doanh phụ tùng xuất sắc nhất năm 2020;
- » Trưởng phòng kinh doanh xe cho doanh nghiệp xuất sắc nhất năm 2020;
- » Tư vấn dịch vụ xuất sắc nhất năm 2020;
- » Đại lý hiệu quả nhất năm 2021;
- » Showroom của năm năm 2021;
- » Chuyên gia sản phẩm xuất sắc nhất năm 2021;
- » Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2021;
- » Showroom xe ký gửi tốt nhất năm 2021;
- » Xưởng dịch vụ hiệu quả nhất năm 2021.





HAXACO LÁNG HẠ

- » Đại lý hiệu quả nhất năm 2020;
- » Showroom của năm năm 2020;
- » Showroom đạt chỉ số hài lòng khách hàng nhất năm 2020;
- » Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2020;
- » Tư vấn bán hàng xe Maybach xuất sắc nhất năm 2020;
- » Đại lý hiệu quả nhất năm 2021;
- » Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2021;
- » Đại lý tiêu thụ phụ tùng xuất sắc nhất năm 2021.

HAXACO KIM GIANG

- » Đại lý hiệu quả nhất năm 2020;
- » Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2020;
- » Đại lý hiệu quả nhất năm 2021;
- » Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2021;
- » Tư vấn bán hàng cho doanh nghiệp xuất sắc nhất năm 2021;
- » Xưởng dịch vụ đạt chỉ số hài lòng khách hàng nhất năm 2021;
- » Chuyên gia phụ tùng xuất sắc nhất năm 2021.





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- » Đại lý mua bán xe Ô tô;
- » Dịch vụ cứu hộ xe Ô tô;
- » Đóng mới thùng xe các loại và Sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- » Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- » Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của Ô tô và xe có động cơ khác;
- » Đại lý bảo hiểm;
- » Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG);
- » Kinh doanh bất động sản;
- » Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- » Cho thuê xe Ô tô;



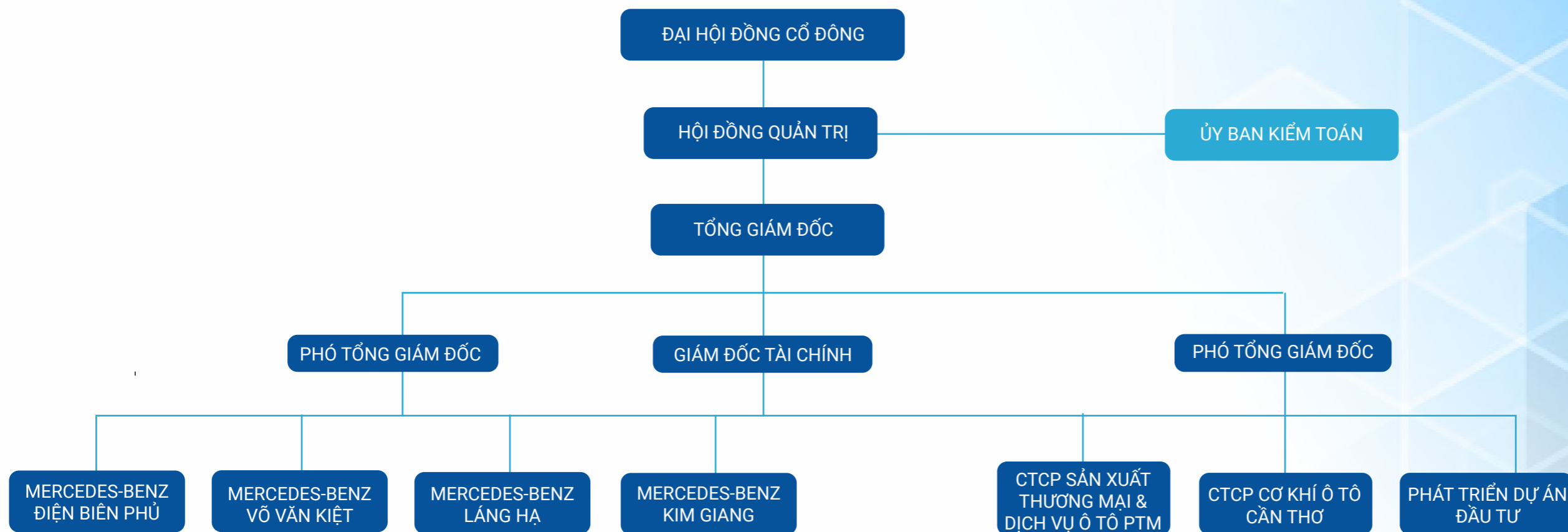
ĐỊA BÀN KINH DOANH

Là đại lý ủy quyền đầu tiên của Mercedes-Benz tại Việt Nam với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ô tô, mạng lưới kinh doanh của HAXACO đang ngày càng mở rộng. Hiện tại, HAXACO đã có 4 đại lý rộng khắp cả nước và liên tục dẫn đầu về doanh số xe bán trong hệ thống đại lý phân phối của Mercedes-Benz Việt Nam trong suốt 5 năm qua.





THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hằng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị...



Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu ra, là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định, số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Hiện tại, Hội đồng quản trị của Công ty là năm (05) người, bao gồm: 01 Chủ tịch và 04 thành viên, nhiệm kỳ là năm (05) năm.



Ủy ban kiểm toán: trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty gồm hai (02) thành viên hoạt động theo Quy chế hoạt động của Ủy Ban kiểm toán.



Ban Tổng Giám Đốc: Ban Tổng Giám đốc gồm một Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các Giám đốc Chi nhánh/Bộ phận. Tổng Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động của Công ty; Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và các kế hoạch khác của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua... Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm bốn (04) thành viên: 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc và 01 Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÁC CÔNG TY CON



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

- **Địa chỉ:** Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
- **Lĩnh vực SXKD chính** Bán buôn Ô tô và xe có động cơ khác; Đại lý Ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng Ô tô và các bộ phận phụ trợ của Ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng và sửa chữa Ô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của Ô tô, xe máy; Bán lẻ Ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bảo dưỡng, sửa chữa Ô tô và xe có động cơ khác.
- **Vốn điều lệ:** 42.000.000.000 đồng
- **Tỷ lệ góp vốn:** 98,32%



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ Ô TÔ CẦN THƠ

- **Địa chỉ:** Số 102 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
- **Lĩnh vực SXKD chính** Đại lý mua bán Ô tô và phụ tùng các loại; mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành Ô tô. Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại Ô tô.
- **Vốn điều lệ:** 33.290.930.000 đồng
- **Tỷ lệ góp vốn:** 85,89%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- » Giữ vững vị thế nhà phân phối hàng đầu của Mercedes-Benz Việt Nam.
- » Tập trung nguồn lực đánh giá, dự báo, chia sẻ thông tin kịp thời về tình hình thị trường, cũng như tác động của dịch bệnh Covid-19 để đề ra các giải pháp ứng phó phù hợp với khủng hoảng, đảm bảo sự an toàn cho doanh nghiệp, tồn tại qua giai đoạn khó khăn hiện nay.
- » Tăng cường số hóa, quản trị hoạt động và vai trò quản lý của Công ty mẹ tới các đơn vị thành viên.
- » Tăng cường quan hệ hợp tác, đầu tư với đối tác, ngân hàng chiến lược.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- » HAXACO tiếp tục khẳng định vai trò là nhà đầu tư tiên phong, xây dựng công ty phát triển toàn diện, vững mạnh về tổ chức, củng cố thương hiệu uy tín.
- » Tập trung phát triển vào ngành cốt lõi Ô tô và dịch vụ hỗ trợ sau bán hàng.
- » Mở rộng các mạng lưới đại lý trên khắp tỉnh thành Việt Nam và đa dạng hóa mô hình, dịch vụ, mặt hàng kinh doanh liên quan đến Ô tô đóng góp quan trọng cho lợi nhuận ổn định của công ty.



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

HAXACO xác định để có thể phát triển bền vững, lâu dài, Công ty cần có những kế hoạch, chính sách cải tiến phù hợp với tình hình của Công ty tại từng thời điểm, đáp ứng được nhu cầu ngày càng khắt khe hơn của mọi đối tượng khách hàng. Do đó, Ban lãnh đạo Công ty chú trọng phát triển vào các mục tiêu trọng tâm sau:

- » Cải tiến máy móc công nghệ, nâng cấp, đầu tư móc thiết bị cũng như cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được diễn ra linh hoạt, mang lại dịch vụ chuyên nghiệp, xứng tầm với thương hiệu “ngôi sao ba cánh” Mercedes-Benz.
- » Thực hiện chiến lược phát triển doanh nghiệp xuyên suốt theo hướng hài hòa lợi ích của khách hàng, đối tác, cổ đông, người lao động và giá trị bền vững của Công ty.
- » Cam kết tuân thủ, sử dụng hợp lý, bảo vệ, duy trì và tăng cường nguồn nhân lực trong công tác đào tạo nâng cao cùng với trách nhiệm đối với môi trường về chia sẻ đóng góp cho cộng đồng và xã hội.



CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Sau những hệ quả nặng nề mà đại dịch Covid – 19 gây nên, trong năm 2021, nền kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi nhờ hiệu quả của các gói kích thích nền kinh tế cùng chiến lược tiêm chủng vaccine trên diện rộng của hầu hết các quốc gia. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả khả quan có được, nền kinh tế thế giới cũng đang đứng trước những rủi ro tiềm ẩn về lạm phát, nguy cơ vỡ nợ, “đứt gãy” nguồn cung, ... Cụ thể, trong tháng 12/2021, chỉ số giá tiêu dùng của Mỹ tăng 0,5%, lạm phát tăng 7,0%, là mức cao chưa từng có kể từ tháng 06/1982. Điều này gây ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế của thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng.

Năm 2021 nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng nghiêm trọng khi đại dịch Covid – 19 lần thứ tư bùng phát và lây lan nhanh chóng ở nhiều tỉnh thành, đặc biệt là tại thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước. Làn sóng dịch Covid kéo dài khiến cho những kết quả phục hồi của hai quý đầu năm 2021 như biến mất hoàn toàn, GDP quý III/2021 của cả nước giảm 6,02%, đây là mức giảm sâu nhất mà Việt Nam trải qua kể từ khi tính và công bố GDP quý (theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam). Tuy nhiên, nhờ những chính sách mở cửa trở lại kịp thời của Nhà Nước, Chính Phủ, nền kinh tế Việt Nam trong quý IV/2021 đạt được những dấu hiệu phục hồi với GDP quý IV/2021 tăng 5,52%, góp phần vào mức tăng trưởng 2,58% của tổng GDP.

Là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực kinh doanh xe Ô tô với thị trường tiêu thụ trải dài khắp Việt Nam, hoạt động kinh doanh của HAXACO có sự phụ thuộc lớn vào sự biến động của thị trường cũng như mở ra nhiều cơ hội phát triển trong giai đoạn “Bình thường mới” nhờ vào các chính sách kích thích kinh tế từ Chính phủ. Cụ thể, việc tiếp tục giảm 50% lệ phí trước bạ có hiệu lực trong năm 2021, là cơ hội tốt cho người tiêu dùng mua sắm sau đợt dịch và cũng là cơ hội để giải phóng số lượng lớn xe tồn kho từ tháng 5 đến nay, tái sản xuất kinh doanh sau thời gian bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 của các doanh nghiệp kinh doanh Ô tô nói chung và HAXACO nói riêng.

Dựa vào những đánh giá, phân tích như trên, Ban lãnh đạo HAXACO có đủ cơ sở cũng như những tín hiệu lạc quan của thị trường để tin vào kịch bản khả quan cho tình hình hoạt động kinh doanh năm 2022. Tuy nhiên, trong tình hình dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp tác động đến nền kinh tế, Công ty vẫn chủ động theo dõi các thay đổi vĩ mô, các yếu tố bất thường để đảm bảo hoàn thành mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Các hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện dựa theo các quy chuẩn của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật chứng khoán,... Hiện nay, các luật và bộ luật của Việt Nam vẫn luôn được xem xét và sửa đổi, điều chỉnh nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động và phát triển thuận lợi, đồng thời phù hợp với các xu thế, tình hình tại từng thời điểm. Cụ thể một số luật và bộ luật có sửa đổi, ban hành những điểm mới và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 như Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019,...

Nhận thức được tầm quan trọng đó, Ban lãnh đạo cùng bộ phận pháp chế của HAXACO luôn theo dõi và cập nhật các quy định pháp luật mới nhất, theo đó điều chỉnh và phổ biến đến toàn bộ nhân viên của Công ty nhằm đảm bảo mọi người đều biết đến và tuân thủ đúng quy định.

RỦI RO CẠNH TRANH

Hiện nay, tình hình cạnh tranh giữa xe nhập khẩu nguyên chiếc và xe sản xuất lắp ráp trong nước ngày càng quyết liệt. Các doanh nghiệp kinh doanh Ô tô đều có chung mục tiêu là đẩy mạnh bán hàng tồn kho, đưa số lượng hàng tồn kho về mức thấp nhất. HAXACO với lợi thế là đại lý phân phối xe Mercedes – Benz đầu tiên tại Việt Nam với bề dày kinh nghiệm nhất trong lĩnh vực kinh doanh Ô tô và cung cấp các dịch vụ đi kèm như dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thay thế phụ tùng chất lượng, đã nỗ lực cố gắng, thu thập lượng dữ liệu (data) khách hàng lớn, cũng như ký kết các gói hỗ trợ tài chính từ các Ngân hàng với mức lãi suất ưu đãi nên khi thị trường dần trở lại hoạt động bình thường, Công ty đã nhanh chóng phục hồi và tăng trưởng mạnh vào các tháng cuối năm 2021.

Ngoài ra, khi đời sống và thu nhập của người dân tăng cao, nhu cầu sử dụng các thương hiệu xe sang khác như BMW, Lexus,... và các dòng xe nhập khẩu cao cấp khác sẽ làm cho áp lực cạnh tranh trên thị trường xe Ô tô Việt Nam gia tăng hơn. Vì vậy, Công ty luôn đưa ra các chương trình khuyến mãi, giảm giá, tặng quà, quảng bá nhằm thu hút khách hàng và ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ để xây dựng niềm tin với khách hàng.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh các rủi ro mang tính đặc thù, Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh cũng như nhiều Công ty khác trong nền kinh tế sẽ chịu ảnh hưởng và tổn thất nếu xảy ra các rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, dịch bệnh, tai nạn lao động,... Điển hình trong năm 2021, dịch bệnh COVID-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến các chủ thể trong nền kinh tế. Dù vậy, nhờ vào các chính sách, biện pháp của Nhà nước cùng với sự hợp tác chặt chẽ, nhất quán của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên, HAXACO đã thực hiện nhiều biện pháp như làm việc tại nhà, thực hiện tiêm phòng đầy đủ cho các cán bộ người lao động, xét nghiệm nhanh với những trường hợp nghi ngờ, thực hiện các biện pháp 5K, đảm bảo an toàn cho khách hàng với mong muốn cùng chung tay vượt qua đại dịch giúp nền kinh tế được phục hồi và hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định hơn.



PHẦN 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 26** Tình hình hoạt động kinh doanh
- 28** Tổ chức và nhân sự
- 33** Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- 34** Tình hình tài chính
- 38** Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 40** Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

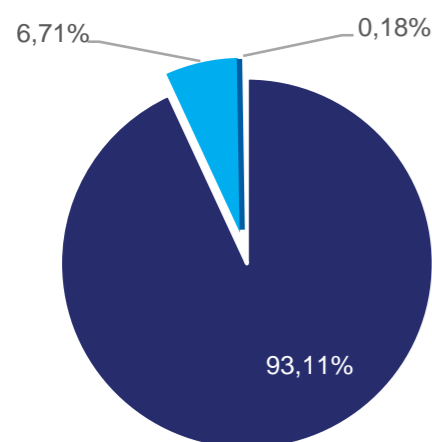
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

- » Trải qua năm 2021 với nhiều khó khăn vì dịch bệnh, giai đoạn tháng 6 - 9/2021 – đỉnh điểm của đại dịch Covid-19, gần như toàn bộ showroom của Công ty phải đóng cửa do cả nước thực hiện giãn cách xã hội nghiêm ngặt, Quý III/2021 lỗ hơn 33 tỷ đồng.
- » Tuy nhiên, tận dụng thời cơ khi TP HCM mở cửa lại từ đầu quý IV/2021, HAXACO đã nhanh chóng thích ứng với trạng thái **"bình thường mới"** của xã hội. Công ty đã đẩy mạnh các chiến dịch quảng bá trực tuyến, tối đa hóa lợi nhuận trên từng chiếc xe, tiếp tục giảm các chi phí phát sinh. Đồng thời, chính sách giảm 50% phí trước bạ với xe lắp ráp trong nước có hiệu lực từ đầu tháng 12 cũng kích thích nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng. Nhờ đó, lượng xe bán ra của Công ty đã tăng trưởng trở lại và đạt chỉ tiêu doanh số bán hàng.
- » Nhờ những nỗ lực cố gắng của toàn thể nhân viên cùng chiến lược đúng đắn và kịp thời của Ban Lãnh đạo, HAXACO ghi nhận doanh thu Quý IV/2021 tăng gấp 3 lần so với Quý III trước đó. Kết thúc năm 2021, HAXACO ghi nhận doanh thu thuần 5.551 tỷ đồng, tương đương 99,68% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu mảng bán xe vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu Doanh thu của công ty, đạt 5.225 tỷ đồng, tăng 0,76% so với năm 2020.

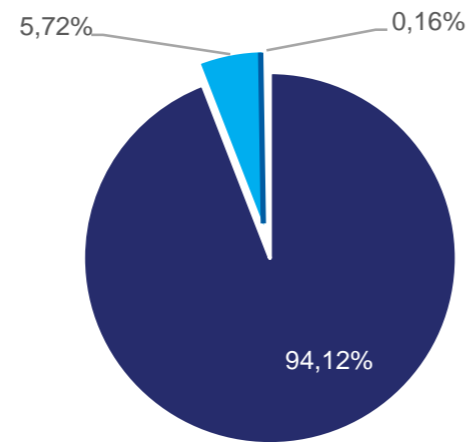
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2020	Tỷ trọng năm 2020	Năm 2021	Tỷ trọng năm 2021	% tăng giảm
1	Doanh thu kinh doanh xe	5.185.866	93,11%	5.225.269	94,12%	100,76%
2	Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	373.478	6,71%	317.407	5,72%	84,99%
3	Doanh thu hoạt động khác	10.208	0,18%	8.809	0,16%	86,30%
Tổng cộng		5.569.552	100%	5.551.485	100%	99,68%

NĂM 2020



NĂM 2021



■ Doanh thu kinh doanh xe ■ Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng ■ Doanh thu hoạt động khác



TỔ CHỨC NHÂN SỰ



BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 2000 - 2006: Trưởng phòng Chăm sóc Khách hàng Công ty TNHH Saigon Ô tô
- 2007 - 2015: Trưởng phòng CC Quản lý và Phát triển đại lý Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam
- 2015 - 2017: Trưởng phòng cấp cao Phòng Kinh doanh xe Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam
- 2017 - 01/10/2018: Giám đốc Đại lý HAXACO Điện Biên Phủ CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh
- 02/10/2018 - 02/4/2021: Phó Tổng Giám đốc CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh
- 02/04/2021 - nay: Tổng Giám Đốc CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Tổng Giám đốc CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh kiêm Giám đốc Đại lý HAXACO Điện Biên Phủ.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 230.000 cổ phần, tỷ lệ sở hữu 0,46% VDL.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có.

ÔNG TRẦN QUỐC HẢI

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Quá trình công tác:

- 05/1999 - 02/2000: Kỹ thuật viên tại Công ty CCL Sài Gòn
- 02/2000 - 9/2000: Nhân viên kinh doanh Công ty FIMEXCO
- 09/2000 - 06/2005: Cố vấn Dịch vụ Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh
- 06/2005 - 12/2006: Phó phòng Dịch vụ Công ty CP Ô tô Hàng Xanh
- 12/2006 - 08/2011: Trưởng phòng Dịch vụ Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh
- 08/2011 - 10/2013: Giám đốc Dịch vụ Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh
- 10/2013 - 04/2016: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Chi nhánh Võ Văn Kiệt kiêm Giám đốc Dịch vụ
- 04/2016 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Võ Văn Kiệt

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Đại lý HAXACO Võ Văn Kiệt

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 170.091 cổ phần, tỷ lệ sở hữu là 0,34% VDL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Nguyễn Thị Ngân Hà (Vợ) - nắm giữ 174.470 cổ phần, tỷ lệ sở hữu 0,35% VDL

ÔNG TRẦN VĂN MỸ

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế phát triển

Quá trình công tác:

- 2009 - 2012: Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Ô tô Lăng Hạ
- 2012 - 2016: Công ty CP Kinh doanh Sao Việt - Nissan Hà Nội
- 2017 - 2021: Giám đốc Đại lý HAXACO Kim Giang
- 06/2021 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Đại lý HAXACO Kim Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 140.000 cổ phần, tỷ lệ sở hữu 0,28%

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

BÀ NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh: 1986

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

- 2017 - 2020: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh
- 2020 - nay: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 130.000 cổ phần, tỷ lệ sở hữu 0,26% VDL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2021

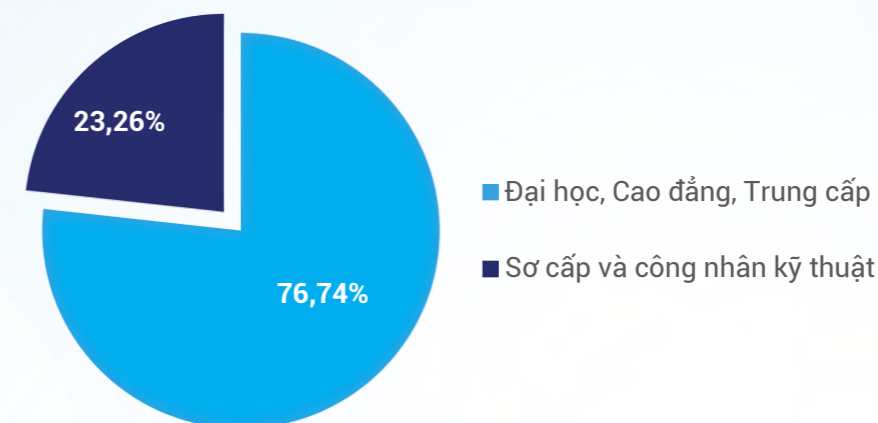
STT	Ban Điều hành	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm	Thời gian miễn nhiệm
1	Ông Đỗ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	-	02/04/2021
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Tổng Giám đốc	02/04/2021	-
3	Ông Trần Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2021	-

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

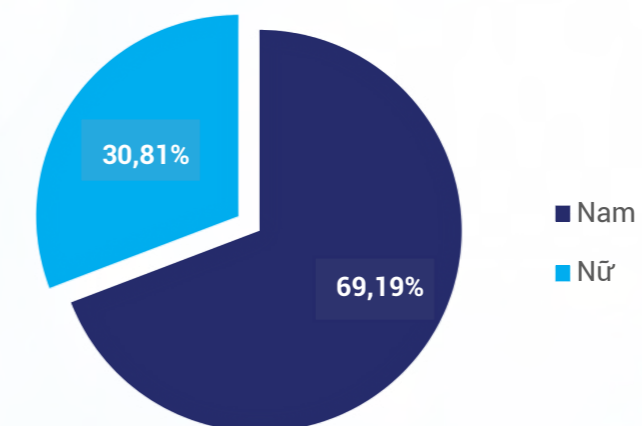
Tại thời điểm 31/12/2021

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	172	100%
1	Đại học, Cao đẳng, Trung cấp	132	76,74%
2	Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	40	23,26%
B	Theo giới tính	172	100%
1	Nam	119	69,19%
2	Nữ	53	30,81%

THEO TRÌNH ĐỘ



THEO GIỚI TÍNH





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



Về đào tạo

Công ty luôn chú trọng xây dựng những chính sách phát triển nhân lực hiệu quả nhằm kích thích sự phát triển năng lực cá nhân. Đảm bảo sự ổn định và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên cho doanh nghiệp, luôn tổ chức bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn giúp nhân viên cải thiện năng lực cá nhân và hỗ trợ nhân viên hoàn thành tốt các công việc được giao.

Công ty cũng đã triển khai chương trình đào tạo cán bộ nguồn, bao gồm nhận diện các ứng viên có tiềm năng, tạo điều kiện tham gia vào các chương trình đào tạo thiết thực, và trao cơ hội để phát huy năng lực và phát triển sự nghiệp lâu dài, bền vững với Công ty.



Về chế độ bảo hiểm và phụ cấp

Tất cả nhân viên chính thức của công ty đều được hưởng các chế độ bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Tùy theo công việc, nhân viên còn nhận được các phụ cấp như phụ cấp xăng xe, phụ cấp đoàn thể,...



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Chính sách trả lương theo hiệu quả làm việc, chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân đóng góp đối với hoạt động của Công ty đồng thời có biện pháp xử lý đối với các cá nhân có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến công ty.

Phúc lợi: hỗ trợ ăn trưa, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, tham quan du lịch, thai sản, hiếu hỷ, ...

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân có công lao đóng góp đối với hoạt động của công ty đồng thời có biện pháp xử lý kỷ luật đối với các cá nhân có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến công ty



Môi trường công việc

Điều kiện và môi trường làm việc hiện đại, khang trang. Nhân viên văn phòng được trang bị đồng phục chuyên nghiệp. Lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Công tác an toàn lao động được đặt lên hàng đầu, các nguyên tắc an toàn kỹ thuật được tuân thủ nghiêm ngặt, lịch bảo trì bảo dưỡng máy móc trang thiết bị được đảm bảo không để xảy ra tai nạn lao động.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Công ty mua thêm 165.375 cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tăng tỷ lệ đầu tư lên 98,32% vốn điều lệ.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%TH 2021/2020	% tăng giảm TH 2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	1.232.370	1.277.217	103,64%	3,64
2	Doanh thu thuần	5.569.552	5.551.485	99,68%	(0,32)
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	115.634	173.193	149,78%	49,78
4	Lợi nhuận khác	41.987	28.761	68,50%	(31,5)
5	Lợi nhuận trước thuế	157.622	201.953	128,13%	28,13
6	Lợi nhuận sau thuế	125.352	159.848	127,52%	27,52
7	Tỷ lệ trả cổ tức/VĐL (%)	30	15(*)	-	-

(*) Tỷ lệ trả cổ tức/VĐL năm 2021 dự kiến là 15% đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 và sẽ được trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Nhờ các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong tình hình dịch bệnh nên lãi suất cho vay của các Ngân hàng liên kết tương đối thấp cũng như việc sử dụng nguồn vốn hiệu quả hơn đã góp phần không nhỏ cho việc giảm chi phí tài chính trong năm, chi phí lãi vay đã giảm hơn 57% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiết giảm được một phần chi phí nhân viên quản lý và chi phí các dịch vụ mua ngoài khác làm cho chi phí quản lý doanh nghiệp giảm gần 11% so với năm 2020. Theo đó, cho lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt lần lượt là 202 tỷ đồng và 160 tỷ đồng, tăng tương ứng 28,13% và 27,52% so với cùng kỳ.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

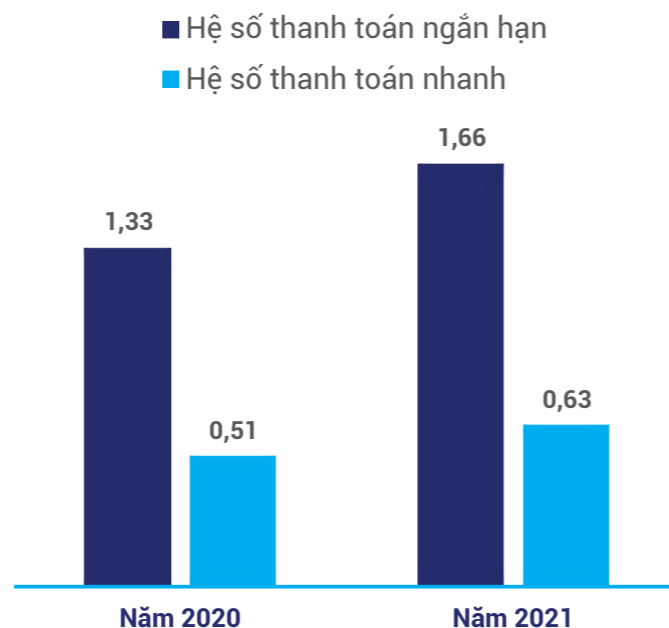
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,33	1,66
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,51	0,63
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	56,56	44,41
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	130,22	79,89
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,17	9,07
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	3,89	4,42
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,25	2,88
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	25,05	25,67
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	8,75	12,74
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	2,08	3,12



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

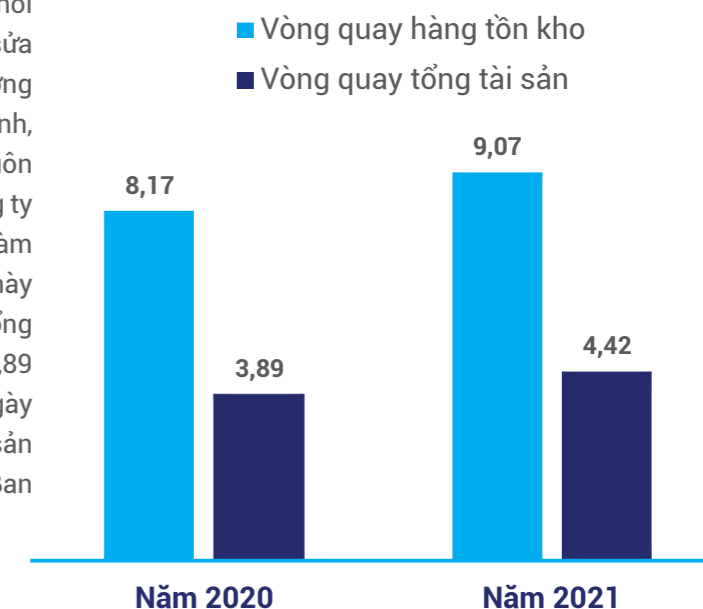
Chỉ tiêu khả năng thanh toán

Nhìn chung, năm 2021 chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty có sự cải thiện hơn năm 2020, cả hai chỉ số về khả năng thanh toán nhanh và thanh toán ngắn hạn đều tăng lên, lần lượt là 1,66 lần và 0,63 lần, cho thấy HAXACO phần nào chủ động hơn trong việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn. Sự cải thiện này đến từ việc Công ty quản lý hiệu quả hơn nguồn vốn lưu động và tận dụng sự ưu đãi lãi suất từ Ngân hàng trước tình hình dịch bệnh phức tạp nên khoản mục nợ ngắn hạn chủ yếu là nợ vay ngân hàng giảm rất mạnh so với thời điểm cuối năm 2020. Tuy nhiên, chỉ số thanh toán nhanh vẫn đang duy trì dưới mức 1, cho thấy dòng tiền dùng để thanh toán các khoản nợ nhanh tức thời vẫn còn phụ thuộc nhiều vào hàng tồn kho, do HAXACO cần phải duy trì một lượng hàng tồn kho phù hợp như các sản phẩm xe, các phụ tùng thay thế, sửa chữa Ô tô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.



Chỉ tiêu năng lực hoạt động

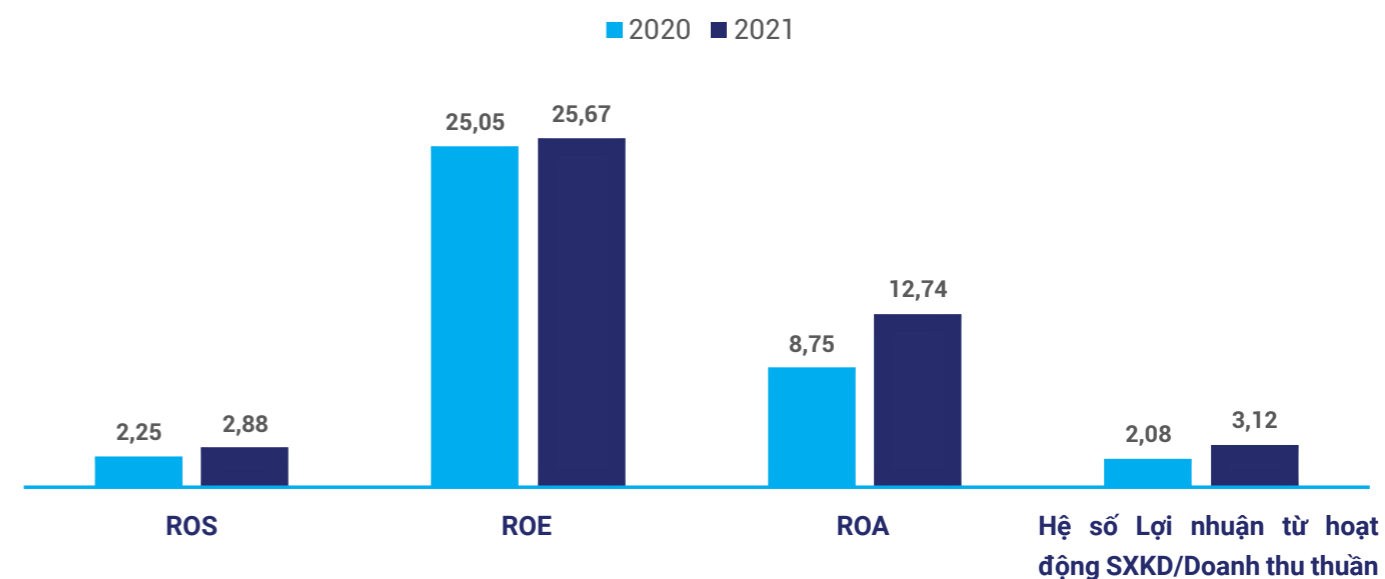
Là doanh nghiệp hoạt động chính trong mảng phân phối các dòng sản phẩm xe Ô tô và cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế phụ tùng Ô tô các loại nên lượng hàng tồn kho luôn được luân chuyển và xoay vòng nhanh, do đó hệ số về Vòng quay hàng tồn kho của Công ty luôn duy trì ở mức cao. Năm 2021, sản lượng bán xe của Công ty tăng cao khi chính sách giảm phí trước bạ có hiệu lực làm cho hàng hóa trong kho luân chuyển nhanh hơn, hệ số này đang duy trì ở mức 9,07 vòng. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản của Công ty cũng tăng lên 4,42 vòng so với mức 3,89 vòng của năm 2020 cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản ngày càng cải thiện, việc đầu tư vào các kế hoạch gia tăng tài sản cố định và các chính sách trong quản lý điều hành của Ban lãnh đạo hiệu quả hơn.



Chỉ tiêu khả năng sinh lời

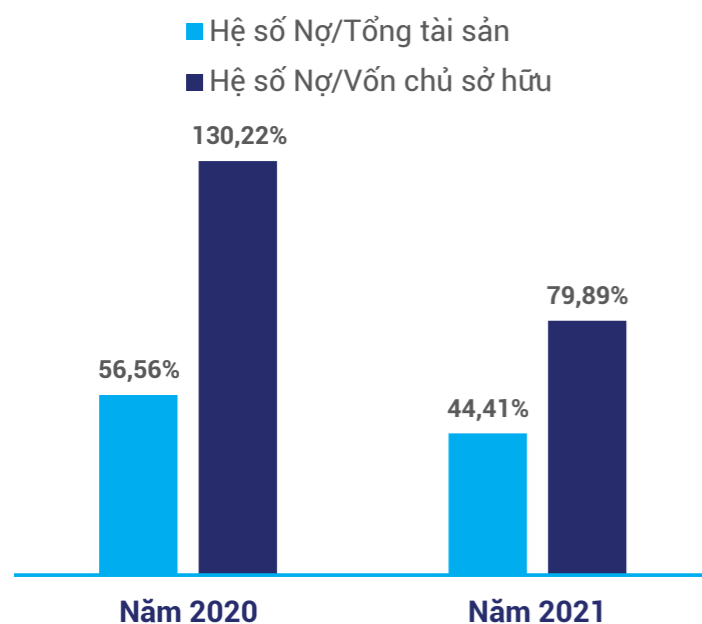
Trước những khó khăn và thuận lợi của năm 2021, cùng với những chính sách định hướng của Ban lãnh đạo Công ty, HAXACO đã ghi nhận kết quả kinh doanh tăng trưởng thuận lợi hơn nhiều doanh nghiệp trong nền kinh tế. Toàn bộ các hệ số về khả năng sinh lời của Công ty đều gia tăng rõ rệt so với năm 2020, nhờ vào việc đẩy mạnh kinh doanh tại Quý IV/2021. Trong đó, các hệ số tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE) và tỷ suất sinh lợi trên tài sản (ROA) tăng đáng kể, lần lượt đạt 25,67% và 12,74%, cho thấy Công ty đã sử dụng rất hiệu quả Vốn chủ sở hữu và tài sản.

Như vậy, trong năm qua, HAXACO vẫn đảm bảo duy trì tính hiệu quả khi vận hành kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế năm 2021 gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Nhờ tận dụng ưu đãi từ lãi suất Ngân hàng, Công ty giảm bớt sự phụ thuộc vào nợ vay nên các hệ số về cơ cấu tài chính của Công ty đã có phần tốt hơn, khi cả hai chỉ số về Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu đều giảm đáng kể: lần lượt là 44,41% và 79,89% so với tỷ lệ 56,56% và 130,22% của năm 2020. Đây là tín hiệu tích cực khi Công ty giảm bớt gánh nặng lãi vay dẫn đến lợi nhuận sẽ tăng trưởng tốt hơn

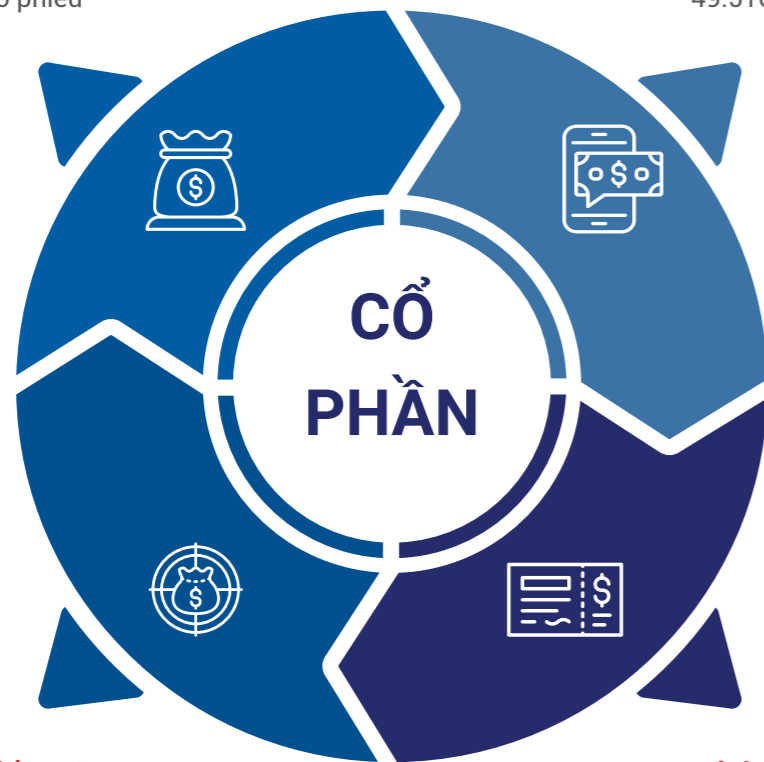




CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Tổng số cổ phiếu đã phát hành
49.516.982 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
49.516.982 cổ phiếu



Số lượng cổ phiếu quỹ
0 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phần
10.000 đồng/ cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại thời điểm 31/12/2021

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	42.001.182	420.011.820.000	84,82%
1	Cá nhân	40.050.264	400.502.640.000	80,88%
2	Tổ chức	1.950.918	19.509.180.000	3,94%
II	Cổ đông nước ngoài	7.515.800	75.158.000.000	15,18%
1	Cá nhân	589.272	5.892.720.000	1,19%
2	Tổ chức	6.926.528	69.265.280.000	13,99%
Tổng cộng (I+II)		49.516.982	495.169.820.000	100%

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA: 34,85%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2021, HAXACO thực hiện việc thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

- HAXACO phát hành **11.022.583** cổ phiếu để trả cổ tức nâng vốn điều lệ lên **477.669.820.000** đồng
- HAXACO phát hành **1.750.000** cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty nâng vốn điều lệ lên **495.169.820.000** đồng
- Hội đồng quản trị HAXACO thông qua phương án **phát hành trái phiếu chuyển đổi** dưới hình thức phát hành riêng lẻ nhằm mục đích tăng quy mô hoạt động và đầu tư vào các chương trình dự án của Công ty



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2021, HAXACO đã thực hiện bán cổ phiếu quỹ như sau:

- » Số lượng cổ phiếu quỹ đăng ký bán: **134.270** cổ phiếu
- » Mục đích bán cổ phiếu quỹ: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- » Thời gian thực hiện: từ ngày 07/01/2021 đến ngày 27/01/2021
- » Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi đăng ký giao dịch: 134.270 cổ phiếu
- » Số lượng cổ phiếu quỹ sau khi thực hiện giao dịch: 0 cổ phiếu
- » Giá giao dịch bình quân: 20.786 đồng/cổ phiếu
- » Phương thức giao dịch: Khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tiêu thụ năng lượng:

- » Sử dụng có hiệu quả các loại năng lượng là một trong những nội dung phát triển bền vững của Công ty. HAXACO đã có nhiều chính sách, hành động để đảm bảo thực hiện mục tiêu đó.
- » Tổ chức các đợt kiểm tra, thẩm định định kỳ các máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển; thực hiện bảo trì, sửa chữa các hỏng hóc để các tài sản đạt hiệu suất tốt nhất; tiến hành thay thế các thiết bị đã quá lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng mà không cho hiệu quả cao.
- » Tuyên truyền, nhắc nhở nội bộ: tắt đèn, quạt khi ra ngoài, khi không cần thiết sử dụng; bật điều hòa ở nhiệt độ không thấp hơn 25°C.
- » Thay thế hoàn toàn các bóng đèn dây tóc bằng đèn compact tiết kiệm năng lượng ở khu vực văn phòng và nhà xưởng.
- » Hướng ứng phong trào Giờ Trái Đất.

Tiêu thụ nước:

Công ty nhận thức được nguồn nước là tài nguyên có giới hạn. HAXACO luôn trân trọng giá trị của tài nguyên này và phổ biến việc sử dụng hợp lý đến từng cán bộ nhân viên trong Công ty, góp phần vào công tác bảo vệ nguồn nước chung của Việt Nam và thế giới. Công ty đã thực hiện kiểm tra các rò rỉ của hệ thống nước, khắc phục nhanh chóng các hư hỏng sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước như đầu vòi sen có dòng chảy chậm, vòi rửa với cơ chế ngắt tự động.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- » HAXACO luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường trong toàn Công ty. Nhờ thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường mà nhiều năm qua Công ty luôn đảm bảo an toàn trong sản xuất, giữ gìn cảnh quang sạch đẹp tại các văn phòng làm việc.
- » Trong năm, Công ty luôn cập nhật các văn bản pháp luật liên quan, đánh giá sự ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của nhân viên, Công ty cũng tuyên truyền, hưởng ứng "Ngày Môi trường thế giới" góp phần cải thiện môi trường làm việc và sinh hoạt chung.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Chính sách tuyển dụng:

- » Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu công việc, căn cứ vào kế hoạch hoạt động, các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn mà Công ty có kế hoạch tuyển dụng nhân sự;
- » Việc tuyển dụng được thông báo công khai trên website của Công ty, đến các nguồn cung ứng lao động bên ngoài và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đảm bảo tính công bằng, minh bạch, và bình đẳng cho mọi ứng viên phù hợp;
- » Mỗi vị trí, chức danh công việc thuộc các ngành nghề tuyển dụng phù hợp với nhu cầu tuyển dụng đều có tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng riêng và được thực hiện theo đúng Quy trình tuyển dụng của Công ty.

Chính sách lương thưởng và phúc lợi cho người lao động:

- » Được hưởng các chế độ phúc lợi theo Quy định của Công ty, bao gồm thưởng các ngày lễ theo quy định của Công ty, hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo luật của nhà nước và Công ty;
- » Được hỗ trợ các chi phí như: chi phí công tác, phụ cấp chức vụ.....
- » Được làm việc trong môi trường năng động, có nhiều cơ hội để phát triển bản thân.



Chính sách đào tạo:

- » Với phương châm đào tạo phải gắn liền với mục tiêu, chiến lược phát triển của Công ty, trong các năm vừa qua, Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo để củng cố nâng cao năng lực về quản trị, chuyên môn, nghiệp vụ. Các chương trình đào tạo chuyên sâu định hướng phát triển chuyên gia và nhiều chương trình đào tạo các chức danh vận hành, sửa chữa;
- » Để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo năm 2021, Công ty đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ. Tổ phụ trách đào tạo cùng các đơn vị trong Công ty chuẩn bị bài giảng theo hình thức E-Learning trong công tác đào tạo nội bộ để thích nghi với tình hình dịch bệnh trong năm qua.





PHẦN 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 46 Đánh giá kết quả hoạt động sản kinh doanh
- 48 Tình hình tài chính
- 52 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 54 Kết hoạch phát triển trong tương lai
- 56 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ Tướng Chính phủ ban hành về việc thực hiện giãn cách xã hội trên địa bàn TP Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành để phòng chống dịch Covid-19. Theo đó, ngành Ô tô cả nước nói chung và đặc biệt là HAXACO nói riêng đã chịu ảnh hưởng nghiêm trọng về tình hình kinh doanh trong suốt Quý III năm 2021.

HAXACO có 2 chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh phải đóng cửa suốt Quý 3 năm 2021 và 2 chi nhánh tại Hà Nội cũng đóng cửa, đến ngày 21/09/2021 mới mở cửa kinh doanh trở lại. Điều này đã làm cho doanh số kinh doanh cũng như kinh doanh dịch vụ của HAXACO sụt giảm nghiêm trọng và toàn bộ hoạt động của HAXACO bị đóng băng trong suốt Quý III năm 2021. Bên cạnh đó, HAXACO vẫn phải chịu các chi phí về khấu hao, chi phí lương, chi phí cố định khác... trong suốt 3 tháng đóng cửa.

Đứng trước khó khăn chưa từng xảy ra như trên, được sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc HAXACO đã nhanh chóng đề ra các phương án hoạt động tối ưu, thực hiện nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo an toàn cho nhân viên của Công ty... Cụ thể, như tập trung đẩy mạnh hơn về chiến dịch quảng bá trên các nền tảng trực tuyến, thương lượng với các nhà cung cấp về việc giảm các chi phí định kỳ như thuê mặt bằng, thuê thiết bị và các chi phí cố định khác...

Cuối cùng, Ban Tổng Giám đốc đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng cho việc mở cửa trở lại vào Quý IV/2021, bắt kịp nhanh với giai đoạn "Bình thường mới" khi toàn bộ nhân viên đã tiêm vaccine đầy đủ, đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc cũng đã làm việc với nhà máy Mercedes-Benz Việt Nam và các đối tác ... để đảm bảo đạt được mục tiêu kết quả kinh doanh năm 2021. Kết quả, Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 201,95 tỷ đồng, tăng 28,13% so với năm 2020.





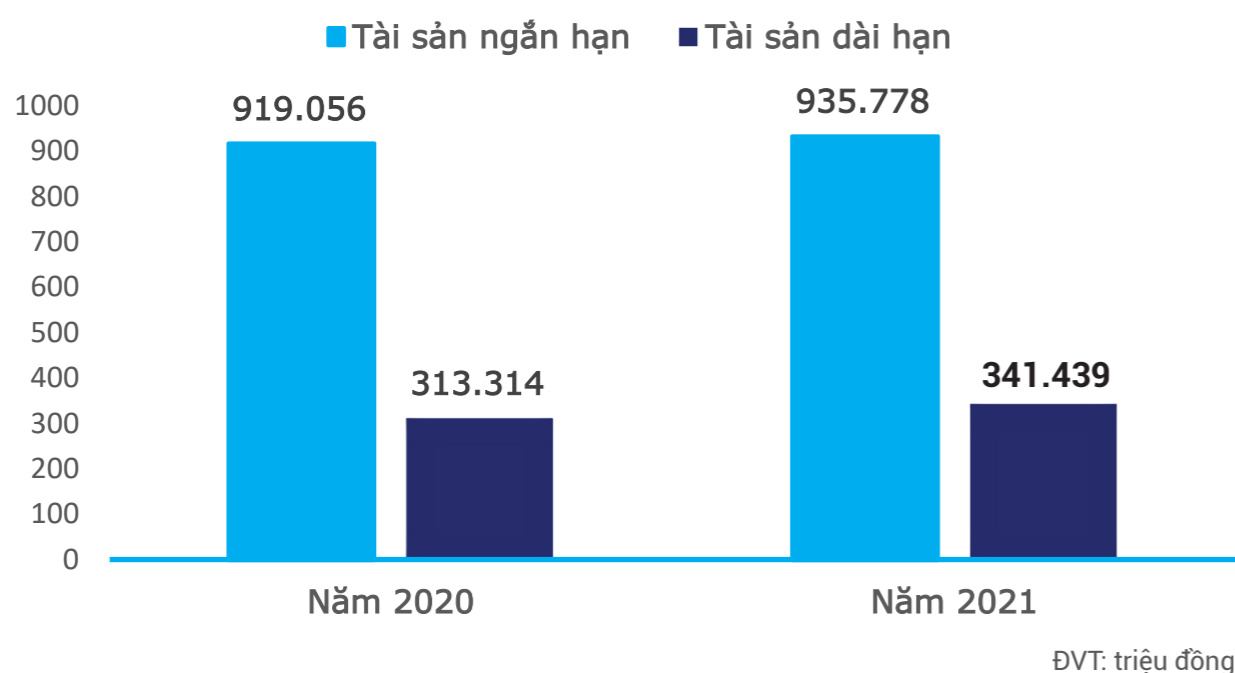
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	% Tăng giảm (%)	Tỷ trọng năm 2020 (%)	Tỷ trọng năm 2021 (%)
Tài sản ngắn hạn	919.056	935.778	1,82	74,58	73,27
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.458	87.553	7,48	6,61	6,86
Các khoản phải thu ngắn hạn	262.221	248.695	(5,16)	21,28	19,47
Hàng tồn kho	564.175	581.173	3,01	45,78	45,5
Tài sản ngắn hạn khác	11.202	18.357	63,86	0,91	1,44
Tài sản dài hạn	313.314	341.439	8,98	25,42	26,73
Các khoản phải thu dài hạn	4.570	6.027	31,89	0,37	0,47
Tài sản cố định	263.372	294.238	12,42	21,37	23,04
Tài sản dài hạn khác	45.373	41.174	(9,25)	3,68	3,22
Tổng tài sản	1.232.370	1.277.217	3,64	100	100



Đơn vị tính: Triệu đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại / Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	94.870	26.646	28,09%
Máy móc và thiết bị	32.591	6.740	20,68%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	228.032	215.081	94,32%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5.178	809	15,62%
Tài sản khác	2.578	396	15,37%
Cộng	363.249	249.672	68,73%

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại / Nguyên giá
Quyền sử dụng đất lâu dài	8.849	8.849	100%
Quyền sử dụng đất có thời hạn	2.798	2.005	71,67%
Chương trình phần mềm	6.292	1.104	17,54%
Cộng	17.939	11.958	66,66%

Tại thời điểm ngày 31/12/2021, tổng tài sản của Công ty đạt 1.277 tỷ đồng, tăng nhẹ 3,6% so với thời điểm cuối năm 2020. Trong đó, tài sản ngắn hạn vẫn đóng góp tỷ trọng cao nhất, hơn 73% tổng tài sản của năm 2021. Xét về cơ cấu tài sản ngắn hạn, chỉ tiêu này đã tăng 1,82% so với cùng kỳ, đạt gần 936 tỷ đồng. Tương tự như năm 2020 và các năm trước, đóng góp vào tài sản ngắn hạn của Công ty vẫn là các khoản mục về phải thu ngắn hạn 19,47% và hàng tồn kho 45,5%, tiền và tương đương tiền với khoảng 7%. Hàng tồn kho cuối năm 2021 còn khoảng 581 tỷ đồng, trong đó phần lớn vẫn là các loại xe Ô tô Công ty duy trì để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình, ngoài ra còn có các phụ tùng dùng để thay thế sửa chữa xe cho khách hàng.

Tài sản dài hạn cuối năm 2021 là 341,4 tỷ đồng, tăng khoảng 9% so với cùng kỳ và toàn bộ tài sản dài hạn này đều là các tài sản cố định như nhà cửa văn phòng, showroom trưng bày sản phẩm, xe demo, nhà xưởng, máy móc thiết bị phục vụ cho việc sửa chữa bảo dưỡng xe.



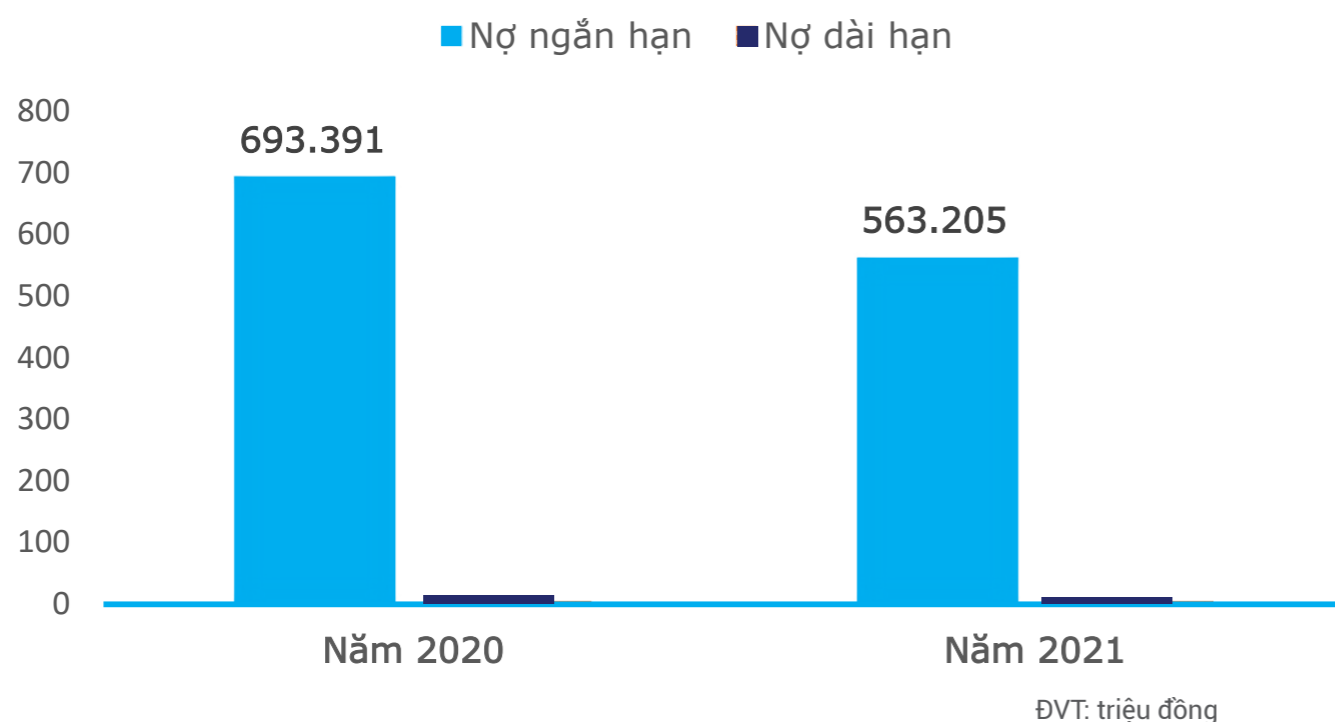
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2021	% tăng giảm 2021/ 2020	Tỷ trọng năm 2020 (%)	Tỷ trọng năm 2021
Nợ ngắn hạn	693.392	563.206	(18,78)	99,47	99,29
Phải trả người bán	38.494	25.954	(32,58)	5,52	4,58
Người mua trả tiền trước	99.950	287.326	187,47	14,34	50,66
Thuế và khoản phải nộp NN	24.268	26.940	11,01	3,48	4,75
Phải trả người lao động	18.239	20.609	12,99	2,62	3,63
Vay ngắn hạn	499.976	195.695	(60,86)	71,73	34,5
Chi phí phải trả	6.454	2.311	(64,2)	0,93	0,41
Phải trả, phải nộp khác	6.010	4.372	(27,26)	0,86	0,77
Nợ dài hạn	3.677	4.005	8,92	0,53	0,71
Tổng nợ phải trả	697.068	567.211	(18,63)	100%	100%



Về cơ cấu nợ phải trả của Công ty không thay đổi nhiều so với năm 2020, khi nợ phải trả ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng hơn 99% tổng nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 2021. Trong đó, đóng góp lớn nhất là khoản mục về người mua trả tiền trước chiếm 50,66% và vay nợ ngắn hạn để phục vụ cho việc bổ sung vốn lưu động trong năm chiếm 34,5% tổng nợ ngắn hạn.

Tổng nợ phải trả của HAXACO đã giảm 18,63% so với thời điểm cuối năm 2020 và duy trì mức 567 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do nợ ngắn hạn giảm 18,78%, trong đó vay ngắn hạn đạt 195,7 tỷ đồng, giảm 60,86% so với cùng kỳ nên chi phí lãi vay giảm. Trong năm, khách hàng trả tiền mua xe trước nên khoản phải trả người bán tăng 187,47% so với năm 2020.

Ngoài ra, điểm tích cực của cơ cấu nợ phải trả năm nay của Công ty đến từ khoản mục người mua trả tiền trước ngắn hạn, đây là các khoản ứng trước tiền mua xe Ô tô và dịch vụ sửa chữa xe. Nhờ việc tung ra nhiều chính sách ưu đãi đối với khách hàng, tăng cường quảng bá sản phẩm, nên đơn đặt hàng của khách hàng tăng cao, làm cho khoản mục người mua trả tiền trước ngắn hạn ghi nhận hơn 287 tỷ đồng, tăng hơn 187% so với năm trước, khi Công ty tiến hành thanh toán bàn giao xe cho khách hàng thì doanh thu sẽ có sự tăng trưởng mạnh trong tương lai.





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công ty thực hiện các giải pháp kinh doanh linh hoạt giữ ổn định toàn hệ thống, đẩy mạnh công tác chuẩn bị nhân sự kế nhiệm, sắp xếp cơ cấu Công ty theo định hướng trở thành Tập đoàn trong tương lai. Cụ thể:

- ✓ Ban điều hành công ty với 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng chuyên môn, hỗ trợ Tổng Giám đốc chủ động giải quyết công việc.
- ✓ Tái cơ cấu Công ty con: Hoạt động tái cấu trúc này sẽ tiếp tục thực hiện với định hướng mở rộng phát triển kinh doanh ở các công ty con,...
- ✓ Ứng dụng các tiến bộ và xu hướng công nghệ vào hoạt động quản trị, điều hành Công ty thông qua việc nghiên cứu, triển khai phần mềm quản lý.



PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022



Tiếp tục theo sát và chỉ đạo hoạt động của công ty nhằm giữ vững sự ổn định, phát triển bền vững. Chủ động đưa ra các kế hoạch linh hoạt nhằm thích ứng với sự thay đổi thị trường, đặc biệt là những chính sách liên quan đến cạnh tranh giá cả.



Tiếp tục xây dựng dự án Mercedes-Benz Haxaco Cần Thơ, đánh dấu đại lý thứ 5 của Haxaco trên bản đồ Mercedes-Benz tại Việt Nam và là Showroom Mercedes-Benz đầu tiên ở khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long.



Ở mảng dịch vụ xe, HAXACO sẽ phát triển dịch vụ cho thuê xe lên một đẳng cấp mới, xây dựng những gói dịch vụ đặc biệt cho thuê xe cưới cao cấp với những hình ảnh ấn tượng riêng biệt cho từng khách hàng, tạo nhận diện riêng độc lạ.



Rà soát, hoàn thiện các thủ tục pháp lý trong việc bổ sung, điều chỉnh ngành nghề của công ty để phù hợp với định hướng phát triển của công ty.



Tiếp tục đẩy mạnh phân phối, quảng bá, giới thiệu dòng xe MG đến khách hàng.



Định hướng, xây dựng và phát triển các phương án đầu tư mới để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty nhận thức con người là yếu tố trung tâm trong việc xây dựng và hình thành doanh nghiệp. Vì vậy, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, phối hợp với công đoàn để thực hiện tốt chức năng đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động. Chăm lo đời sống tinh thần lẫn vật chất của người lao động cũng như tích cực tham gia quản lý, xây dựng mối quan hệ bền vững, hài hòa trong Công ty. Công ty luôn cung cấp đầy đủ các chế độ ưu đãi và thực hiện tốt việc chi trả lương, thưởng, cấp phát bảo hộ lao động theo đúng quy định và tổ chức khám sức khỏe định kỳ. Ngoài ra, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động; kiểm tra, giám sát, chủ động áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro, nguy cơ gây tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG (TIÊU THỤ NƯỚC, NĂNG LƯỢNG, PHÁT THẢI...)

Bảo vệ môi trường luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty trong mọi phương hướng kế hoạch hoạt động hằng năm. Công ty có kế hoạch tổ chức các buổi tuyên truyền, qua đó thảo luận, đề xuất các biện pháp cải thiện công tác bảo vệ môi trường và xử lý chất thải ngày càng tốt hơn. Công ty sẽ tổ chức phân loại chất thải tại khu vực văn phòng để từng người lao động và người thân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo mỹ quan tại nơi làm việc và nơi ở.

Trước diễn biến phức tạp dịch bệnh Covid-19, Công ty đã trang bị bổ sung cho người lao động các vật liệu y tế cần thiết như khẩu trang, nước diệt khuẩn; đồng thời tuyên truyền hướng dẫn người lao động sử dụng khẩu trang, rửa tay đúng cách, cập nhật tin tức của Bộ Y tế về tình hình dịch bệnh Covid-19 để phòng, tránh. Đối với nhân viên có thể thực hiện công việc từ xa mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc, Lãnh đạo bộ phận cho nhân viên thực hiện công việc tại nhà với yêu cầu báo cáo trưởng đơn vị công việc hàng ngày.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty luôn chú trọng đến các chính sách hỗ trợ địa phương như: Thăm hỏi gia đình khó khăn, hỗ trợ tài chính cho các học sinh nghèo hiếu học, thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện... nhằm giúp đỡ cộng đồng, tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội lâu dài và bền vững.





PHẦN 4 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 60 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- 60 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty
- 61 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Kết thúc năm 2021, đại dịch Covid-19 gây nhiều tác động tiêu cực đến mọi mặt của nền kinh tế nói chung và ngành Ô tô nói riêng. Tuy nhiên, với những định hướng đúng đắn, điều hành linh hoạt và tinh thần đoàn kết của tập thể cán bộ - công nhân viên, Hội đồng quản trị, HAXACO đã đạt được những thành công nhất định, trở thành một trong những đại lý hàng đầu Mercedes-Benz Việt Nam. Công ty đã hoàn thành tốt các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kết quả kinh doanh năm 2021:

- **Doanh thu thuần:** 5.551,49 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,32 % so với năm 2020;
- **Lợi nhuận sau thuế:** 159,85 tỷ đồng, tăng 27,52 % so với năm 2020.

Song song với các mục tiêu kinh doanh, HAXACO luôn tuân thủ Pháp luật về bảo vệ môi trường. Công ty luôn nỗ lực thực hiện nhiều biện pháp nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên tuyên truyền cho toàn thể cán bộ công nhân viên nâng cao nhận thức về tác động môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp thường kỳ đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn tổ chức họp bất thường và thường xuyên trao đổi thông tin cho nhau để cùng thảo luận và quyết định những yêu cầu, nội dung quan trọng đối với hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị tiếp tục hoàn thiện các hoạt động của Ủy ban kiểm toán, giúp hoạt động của Công ty ngày càng hiệu quả theo quy định của Pháp luật.

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các Thành viên HĐQT luôn cố gắng hoàn thành trách nhiệm của mình, quyết định vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và người lao động.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị đã thực hiện công tác giám sát Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực trọng yếu sau:

- ✓ Chỉ đạo, giám sát việc thực hiện và triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, Đại hội đồng cổ đông bất thường 2021;
- ✓ Giám sát việc thực hiện và triển khai các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
- ✓ Giám sát việc tổ chức, điều hành và thực hiện kế hoạch hoạt động Kinh doanh – Dịch vụ do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- ✓ Giám sát việc thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin, đảm bảo cập nhật thông tin thường xuyên và kịp thời trên website Công ty; chỉ đạo tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin từ nhà đầu tư;
- ✓ Giám sát việc thực hiện đúng các quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, môi trường... và các hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng ngày của Công ty

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trên cơ sở tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam, căn cứ kế hoạch định hướng phát triển của Công ty, Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch năm 2022 và phương hướng quản trị điều hành như sau:

- ✓ Chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2022;
- ✓ Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, tăng cường các giải pháp trong quản lý điều hành;
- ✓ Thực hiện các giải pháp công nghệ trong công tác hành chính, cải cách các thủ tục hành chính;
- ✓ Tiếp tục quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực trẻ có năng lực, tạo nguồn lãnh đạo kế cận cho Công ty;
- ✓ Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động và cổ đông của Công ty;
- ✓ Đảm bảo các phiên họp ít nhất mỗi quý một lần để bàn bạc, thảo luận chiến lược kinh doanh, điều chỉnh hoạt động của công ty để phù hợp với tình hình thị trường, thông qua các báo cáo, kế hoạch kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.





PHẦN 5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 64 Hội đồng quản trị
- 70 Ủy ban kiểm toán
- 72 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (Cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu
1	Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	10.948.684	22,11%
2	Vũ Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	6.836.524	13,81%
3	Đỗ Ngọc Thùy Trang	Thành viên HĐQT	10.070	0,02%
4	Trần Quốc Hải	Thành viên HĐQT	170.091	0,34%
5	Trần Tiểu Mai	Thành viên HĐQT độc lập	-	-

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Đỗ Tiến Dũng	35/35	100%
2	Vũ Thị Hạnh	35/35	100%
3	Đỗ Ngọc Thùy Trang	35/35	100%
4	Trần Quốc Hải	35/35	100%
5	Trần Tiểu Mai	35/35	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ✓ Năm 2021, HĐQT đã thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, quan hệ nhà đầu tư, chiến lược nhân sự... theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ HĐQT quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- ✓ HĐQT duy trì họp định kỳ mỗi quý ít nhất một lần theo quy định tại Điều lệ Công ty để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự tham gia của Ban Tổng Giám đốc.
- ✓ HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các thành viên HĐQT luôn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của mình, quyết định vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và người lao động



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT-HAX	28/01/2021	Thông qua việc ký kết hợp đồng mua bán, dịch vụ và các giao dịch khác của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh với các Công ty con năm 2021
2	02/NQ-HĐQT-HAX	05/02/2021	Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
3	03/NQ-HĐQT-HAX	01/03/2021	Thông qua dự thảo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021
4	04/NQ-HĐQT-HAX	23/03/2021	Bổ sung dự thảo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021
5	05/NQ-HĐQT-HAX	26/03/2021	Bổ sung dự thảo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021
6	06/NQ-HĐQT-HAX	30/03/2021	Thống nhất ban hành nội dung “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh” và “Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh”.
7	07/NQ-HĐQT-HAX	31/03/2021	Thông qua việc ký kết hợp đồng mua bán, dịch vụ và các giao dịch khác của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh với các Công ty con năm 2021 bổ sung và Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn
8	08/NQ-HĐQT-HAX	02/04/2021	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh
9	09/NQ-HĐQT-HAX	02/04/2021	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh
10	10/NQ-HĐQT-HAX	03/04/2021	Thay đổi chức danh Người đại diện pháp luật Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh
11	11/NQ-HĐQT-HAX	03/04/2021	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch và Thành viên Ủy ban Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh
12	12/NQ-HĐQT-HAX	15/04/2021	Thông qua việc đại diện vốn tại Cần Thơ
13	13/NQ-HĐQT-HAX	19/04/2021	Thông qua việc điều chỉnh tăng chỉ tiêu Kế hoạch hoạt động kinh doanh nội bộ năm 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh
14	14/NQ-HĐQT-HAX	22/04/2021	Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; triển khai thực hiện phương án phát hành

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
15	15/NQ-HĐQT	13/05/2021	Thông qua ngày đăng cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu
16	16/NQ-HĐQT-HAX	27/05/2021	Bổ nhiệm người đứng đầu Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội
17	17/NQ-HĐQT-HAX	01/06/2021	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh phụ trách khu vực miền Nam
18	18/NQ-HĐQT-HAX	01/06/2021	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh phụ trách khu vực miền Bắc
19	19/NQ-HĐQT-HAX	08/06/2021	Tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020
20	20/NQ-HĐQT-HAX	09/06/2021	Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung với VSD và niêm yết chứng khoán bổ sung với HOSE
21	21/NQ-HĐQT-HAX	25/06/2021	Xác định Tiêu chuẩn và Danh sách người lao động được tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (ESOP) - Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng - Thời gian thực hiện
22	22/NQ-HĐQT-HAX	25/06/2021	Thông qua hồ sơ phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động; triển khai thực hiện phương án phát hành
23	23/NQ-HĐQT-HAX	25/06/2021	Thông qua việc đại diện vốn tại PTM
24	24/NQ-HĐQT-HAX	25/06/2021	Thông qua việc đại diện vốn tại PTM
25	25/NQ-HĐQT-HAX	20/09/2021	Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường năm 2021
26	26/NQ-HĐQT-HAX	22/09/2021	Ban hành quy chế Công bố thông tin và Vay vốn ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Hải Dương
27	27/NQ-HĐQT-HAX	18/10/2021	Thông qua thời gian, hình thức và dự thảo tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường 2021
28	28/NQ-HĐQT-HAX	01/11/2021	Bổ sung dự thảo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021
29	29/NQ-HĐQT-HAX	03/11/2021	Bổ sung dự thảo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021
30	30/NQ-HĐQT-HAX	04/11/2021	Kết quả phát hành ESOP



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
31	31/NQ-HĐQT-HAX	04/11/2021	Vay vốn HSBC
32	32/NQ-HĐQT-HAX	13/11/2021	Thay đổi GPKD do phát hành ESOP
33	33/NQ-HĐQT-HAX	22/11/2021	Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi
34	34/NQ-HĐQT-HAX	24/11/2021	Thông qua đăng ký chứng khoán bổ sung với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
35	35/NQ-HĐQT-HAX	30/11/2021	Đầu tư tăng vốn tại Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM
36	36/NQ-HĐQT-HAX	17/12/2021	Thông qua tài khoản phong tỏa nhận tiền thu từ đợt chào bán trái phiếu
37	37/NQ-HĐQT-HAX	20/12/2021	Thông qua giá chuyển đổi và cơ sở xác định giá chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu; Thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán; Thông qua lựa chọn nhà đầu tư chuyên nghiệp; Thông qua văn bản cam kết; Thông qua phương án chào bán chi tiết
38	38/NQ-HĐQT-HAX	20/12/2021	Thông qua phương án tạm phong tỏa tỷ lệ sở hữu nước ngoài
39	38/NQ-HĐQT-HAX	20/12/2021	Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

- ✓ Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm vừa qua công khai, minh bạch.
- ✓ Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đánh giá Hội đồng quản trị năm 2021 đã có những nỗ lực hoàn thiện năng lực quản trị Công ty phù hợp với quyết định hiện hành

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có





ỦY BAN KIỂM TOÁN (tiếp theo)

DANH SÁCH ỦY BAN KIỂM TOÁN

STT	Thành viên	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Tiểu Mai	Chủ tịch UBKT	Bổ nhiệm ngày 03/04/2021
2	Vũ Thị Hạnh	Thành viên UBKT	
3	Hồ Thị Thu	Thành viên UBKT	Miễn nhiệm ngày 03/04/2021

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Stt	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trần Tiểu Mai	3/4	75%	Bổ nhiệm ngày 03/04/2021
2	Vũ Thị Hạnh	4/4	100%	
3	Hồ Thị Thu	1/4	25%	Miễn nhiệm ngày 03/04/2021

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:

Ủy ban kiểm toán đã thực hiện các hoạt động rà soát BCTC Quý 1/2021, Quý 2/2021, Quý 3/2021, Quý 4/2021 và triển khai các hoạt động kiểm toán nội bộ, đánh giá hiệu quả của kiểm toán nội bộ.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Ủy ban kiểm toán tiến hành phối hợp với Ban Tổng Giám đốc xem xét các chính sách đánh giá và quản lý rủi ro cho Công ty.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: Đồng/ năm

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương, thưởng	Tổng thù lao
Hội đồng quản trị				
1	Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	450.000.000	315.000.000
2	Vũ Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	-	225.000.000
3	Đỗ Ngọc Thùy Trang	Thành viên HĐQT	-	180.000.000
4	Trần Quốc Hải	Thành viên HĐQT	-	180.000.000
5	Trần Tiểu Mai	Thành viên HĐQT	-	180.000.000
Ban điều hành				
1	Nguyễn Thị Ngọc Bích	TGD	1.125.000.000	-
2	Trần Văn Mỹ	PTGD	434.000.000	-
3	Trần Quốc Hải	PTGD	882.000.000	-
4	Nguyễn Thị Thanh Hằng	GDTC kiêm KTT	630.000.000	-

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	CTCP Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Công ty con	1800420206 cấp ngày 14/06/2001	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Cần Thơ	2021		- Doanh thu bán phụ tùng và máy móc: 2.404.780.826đ - Doanh thu cho thuê thiết bị và khác: 107.580.672đ - Chi phí thuê mặt bằng và dịch vụ khác: 417.076.911
2	CTCP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ ô tô PTM	Công ty con	0101116000 cấp ngày 09/03/2001	Số 256 đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội	2021		- Doanh thu cho thuê xe, sửa chữa xe: 711.134.281đ - Mua xe: 20.754.545.454đ - Chi phí thuê mặt bằng và sửa chữa xe: 3.901.894.395đ





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	8.352.834	22,73%	10.948.684	22,11%	- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu - Thưởng cổ phiếu ESOP
2	Vũ Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	6.453.096	17,56%	6.836.524	13,81%	- Cơ cấu danh mục đầu tư - Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
3	Trần Quốc Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	697.763	1,90%	170.091	0,34%	- Cơ cấu danh mục đầu tư - Nhận cổ tức bằng cổ phiếu - Thưởng cổ phiếu ESOP và thực hiện quyền mua cổ phiếu ESOP
4	Đỗ Ngọc Thùy Trang	Thành viên HĐQT	1.200.000	3,27%	10.070	0,02%	- Cơ cấu danh mục đầu tư - Nhận cổ tức bằng cổ phiếu - Thực hiện quyền mua cổ phiếu ESOP
5	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Tổng Giám đốc	-	-	230.000	0,46%	- Thưởng cổ phiếu ESOP và thực hiện quyền mua cổ phiếu ESOP
6	Trần Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	-	-	140.000	0,28%	Thưởng cổ phiếu ESOP và thực hiện quyền mua cổ phiếu ESOP
7	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc Tài chính kiêm KTT	-	-	130.000	0,26%	Thưởng cổ phiếu ESOP và thực hiện quyền mua cổ phiếu ESOP
8	Đỗ Hùng Việt	Anh ruột ông Đỗ Tiến Dũng	96.000	0,26%	-	-	- Cơ cấu danh mục đầu tư
9	Đỗ Ngọc Oanh	Chị ruột ông Đỗ Tiến Dũng	984.000	2,68%	110.000	0,22%	- Cơ cấu danh mục đầu tư - Thực hiện quyền mua cổ phiếu ESOP
10	Hoàng Đức Thân	Anh rể ông Đỗ Tiến Dũng	162.750	0,44%	-	-	- Cơ cấu danh mục đầu tư
11	Nguyễn Thị Ngân Hà	Vợ ông Trần Quốc Hải	134.208	0,37%	174.470	0,35%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu



**PHẦN 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN
NĂM 2021**



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 02 công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán của Tập đoàn.

1. Khái quát về Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm công ty mẹ là Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 02 công ty con.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15/10/1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17/05/2000 và các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau đó, với lần đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 26 ngày 22 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 495.169.820.000 đồng (bốn trăm chín mươi lăm tỷ một trăm sáu mươi chín triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng).

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HAX theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : + 84 (28) 3 5120 026
- Fax : + 84 (28) 3 5120 025
- Mã số thuế : 0302000126

• Thông tin về chi nhánh

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
01	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Số 2008 đường Võ Văn Kiệt, KP2, phường An Lạc, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.
02	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội	Số 46 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.
03	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh – CN Kim Giang	Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội.

• Thông tin về Công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích	
			Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021
01	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%
02	Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.	94,38%	98,32%	94,38%	98,32%	94,38%	98,32%

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	02/04/2021	-
Bà Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch HĐQT	28/03/2020	02/04/2021
Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên	02/04/2021	-
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	23/03/2019	-
Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên	23/03/2019	-
Bà Đỗ Ngọc Thùy Trang	Thành viên	23/03/2019	-

4.2 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Tổng Giám đốc	02/04/2021	-
Ông Đỗ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	06/05/2013	02/04/2021
Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2013	-
Ông Trần Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2021	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	20/02/2020	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	02/04/2021	-

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) từ trang 08 đến trang 35.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất), kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các số kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (hợp nhất), tình hình hoạt động (hợp nhất) của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

TM. Hội đồng Quản trị



ĐỖ TIẾN DŨNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 07 tháng 03 năm 2022 (từ trang 08 đến trang 35), bao gồm Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) và thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất), chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (hợp nhất) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính (hợp nhất). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (hợp nhất) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số 2817-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 02 công ty con (sau đây gọi là "Tập đoàn").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Lãi suất cho vay của các ngân hàng giảm, đồng thời Nghị định 103/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Chính Phủ ban hành về việc giảm 50% lệ phí trước bạ cho các dòng xe lắp ra trong nước có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2021 đã dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay tăng so với năm trước.

6. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 02 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02 công ty.

Công ty con bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích	
			Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021
01	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%
02	Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội.	94,38%	98,32%	94,38%	98,32%	94,38%	98,32%

7. Số lượng nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 718 nhân viên, tại ngày đầu năm có 619 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

817
GT
M HỮ
VÀ T
NV
HỒ

HẠN
VẤN
T
HÍ M



7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá: bán xe ô tô, phụ tùng xe ô tô

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



Doanh thu cung cấp dịch vụ: sửa chữa xe ô tô

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

1281
ÔNG
NHIỆM
DÂN V
UẬN
TP. H

5-
Y
TƯ
TƯ
LIỆ
C



20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	5.116.858.289	7.381.127.873
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	82.436.372.411	74.076.943.032
Cộng	87.553.230.700	81.458.070.905

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>89.456.546.159</i>	<i>101.984.748.261</i>
- Các khách hàng về tiền kinh doanh xe	89.456.546.159	101.984.748.261
Cộng	89.456.546.159	101.984.748.261

3. Trả trước cho người bán ngắn và dài hạn

3a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước ngắn hạn cho người bán khác</i>	<i>7.867.430.562</i>	<i>6.397.848.601</i>
- Trả trước cho người bán khác	7.867.430.562	6.397.848.601
Cộng	7.867.430.562	6.397.848.601

3b. Trả trước cho người bán dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước dài hạn các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước dài hạn các khách hàng khác</i>	<i>3.584.805.250</i>	<i>4.332.000.080</i>
Công ty TNHH Nhựa Phước Thành (*)	3.584.805.250	4.332.000.080
Cộng	3.584.805.250	4.332.000.080

(*) Là khoản ứng trước tiền thuê mặt bằng theo Hợp đồng số 22/HĐTMB/PT-HAX ngày 05/07/2010.

4. Phải thu ngắn và dài hạn khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu ngắn hạn tổ chức, cá nhân khác</i>	<i>152.432.262.371</i>	-	<i>154.855.420.186</i>	-
- Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam(*)	148.385.627.212	-	150.412.089.825	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.046.635.159	-	4.443.330.361	-
Cộng	152.432.262.371	-	154.855.420.186	-

(*) Là khoản phải thu về tiền thưởng do Công ty đạt về các chỉ tiêu kinh doanh xe.

4b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu dài hạn các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu dài hạn tổ chức, cá nhân khác</i>	<i>2.442.000.000</i>	-	<i>237.736.270</i>	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDP	1.040.000.000	-	200.000.000	-
- Các khoản phải thu dài hạn khác	1.402.000.000	-	37.736.270	-
Cộng	2.442.000.000	-	237.736.270	-

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm			Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi			Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Phải thu của khách hàng</i>							
- Công ty TNHH Đầu tư Bộ Ba	Trên 3 năm	35.045.295	-	Trên 3 năm	35.045.295	-	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng PVV Sài Gòn	Trên 3 năm	105.454.400	-	Trên 3 năm	105.454.400	-	-
- Công ty CP Minh Thắng	Trên 3 năm	447.577.960	-	Trên 3 năm	447.577.960	-	-
- Nguyễn Thị Đình Chiến	Trên 3 năm	45.350.000	-	Trên 3 năm	45.350.000	-	-
- Võ Thị Thu Phương	Trên 3 năm	42.692.000	-	Trên 3 năm	42.692.000	-	-
- Công ty CP Sản xuất và Chuyển giao Công nghệ Việt Nam TBI	Trên 3 năm	41.987.000	-	Trên 3 năm	41.987.000	-	-
- Công ty TNHH XNK Vật tư Kỹ thuật	Trên 3 năm	68.800.000	-	Trên 3 năm	68.800.000	-	-
- Công ty Hợp doanh DMC-FER	Trên 3 năm	53.650.000	-	Trên 3 năm	53.650.000	-	-
- Các đối tượng khác	Trên 2 năm	221.037.615	-	Trên 2 năm	219.608.220	42.875.380	-
Cộng		1.061.594.270	-		1.060.164.875	42.875.380	-



6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	86.673.083.328	(4.087.411.582)	69.629.067.800	(2.456.251.277)
- Công cụ, dụng cụ	227.732.270	-	272.722.092	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	8.481.150.693	-	10.592.838.129	-
- Hàng hóa	489.878.884.322	-	486.136.637.736	-
Cộng	585.260.850.613	(4.087.411.582)	566.631.265.757	(2.456.251.277)

Trong đó giá trị của hàng hóa cuối năm dùng để chấp các khoản vay tại ngân hàng là 195.277.672.281 đồng.

(*) Là các khoản chi phí sửa chữa xe chưa hoàn thiện xong để giao khách hàng.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ	1.187.381.534	652.630.044
- Phí bảo hiểm	410.464.625	409.562.018
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.854.514.070	4.852.150.999
Cộng	4.452.360.229	5.914.343.061

Tình hình biến động trong năm:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	5.914.343.061	4.512.504.939
- Tăng trong năm	11.013.149.637	14.105.897.672
- Phân bổ trong năm	(12.475.132.469)	(12.704.059.550)
Số cuối năm	4.452.360.229	5.914.343.061

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Sửa chữa văn phòng	7.568.321.609	5.502.302.307
- Công cụ, dụng cụ	2.340.394.096	1.811.631.461
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.341.968.613	1.719.862.773
Cộng	11.250.684.318	9.033.796.541

Tình hình biến động trong năm:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	9.033.796.541	4.617.912.843
- Tăng trong năm	7.446.557.475	8.330.879.015
- Phân bổ trong năm	(5.229.669.698)	(3.914.995.317)
Số cuối năm	11.250.684.318	9.033.796.541

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	93.969.669.228	30.853.693.593	202.937.719.450	4.894.645.762	2.463.827.572	335.119.555.605
Mua trong năm	271.100.020	1.480.981.530	376.550.621.189	521.216.455	114.413.100	378.938.332.294
Tăng từ hợp nhất	-	-	575.011.752	-	-	575.011.752
Tăng phân loại lại/khác	735.000.000	256.772.727	-	-	-	991.772.727
Giảm do thanh lý	-	-	(351.040.056.858)	(13.961.905)	-	(351.054.018.763)
Giảm phân loại lại/Khác	(105.584.545)	-	(991.772.727)	(223.752.545)	-	(1.321.109.817)
Số cuối năm	94.870.184.703	32.591.447.850	228.031.522.806	5.178.147.767	2.578.240.672	363.249.543.798

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	34.180.577.223	17.891.697.317	551.274.994	2.420.597.280	1.971.565.464	57.015.712.278
---------------------------------------	----------------	----------------	-------------	---------------	---------------	----------------

Giá trị hao mòn

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Số đầu năm	61.424.686.797	22.987.041.898	8.940.564.536	4.158.806.500	2.026.880.405	99.537.980.136
Khấu hao trong năm	6.583.935.671	2.711.066.336	21.997.078.060	448.194.662	155.166.771	31.895.441.500
Tăng từ hợp nhất	-	-	57.501.175	-	-	57.501.175
Tăng phân loại lại/Khác	321.562.500	153.350.383	-	-	-	474.912.883
Giảm do thanh lý	-	-	(17.569.839.128)	(13.961.905)	-	(17.583.801.033)
Giảm phân loại lại/Khác	(105.584.545)	-	(474.912.883)	(223.752.545)	-	(804.249.973)
Số cuối năm	68.224.600.423	25.851.458.617	12.950.391.760	4.369.286.712	2.182.047.176	113.577.784.688

Giá trị còn lại

Số đầu năm	32.544.982.431	7.866.651.695	193.997.154.914	735.839.262	436.947.167	235.581.575.469
Số cuối năm	26.645.584.280	6.739.989.233	215.081.131.046	808.861.055	396.193.496	249.671.759.110

3302
C
RÁCH
SỐ TI
CHI
(S-)



9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.797.580.000	6.292.279.369	17.938.696.169
Mua trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	8.848.836.800	2.797.580.000	6.292.279.369	17.938.696.169
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã KH hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	884.509.480	884.509.480
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	736.696.053	4.237.851.488	4.974.547.541
Khấu hao trong năm	-	55.951.596	950.499.549	1.006.451.145
Số cuối năm	-	792.647.649	5.188.351.037	5.980.998.686
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.060.883.947	2.054.427.881	12.964.148.628
Số cuối năm	8.848.836.800	2.004.932.351	1.103.928.332	11.957.697.483

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp tính cho các khoản vay ngân hàng là 10.853.769.151 đồng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí Công trình xây dựng căn A33 Melia Hồ Tràm theo hợp đồng số A33.20/HDMB.KD/BS.

11. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Công ty CP SX TM DV Ô tô PTM	36.160.965.171	-	(6.288.863.508)	29.872.101.663
Cộng	36.160.965.171		(6.288.863.508)	29.872.101.663

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả ngắn hạn cho các nhà cung cấp khác</i>	<i>25.953.767.118</i>	<i>38.494.454.406</i>
- Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam (*)	8.282.651.488	19.544.422.683
- Các nhà cung cấp khác	17.671.115.630	18.950.031.723
Cộng	25.953.767.118	38.494.454.406

(*) Là khoản phải trả về tiền mua xe Mercedes-Benz.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Các khoản trả trước của khách hàng là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	13.604.522.420	-	42.214.318.300	(55.777.545.311)	41.295.409	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.597.634.674	4.465.499	41.800.289.547	(25.987.858.980)	26.410.065.241	4.465.499
- Thuế thu nhập cá nhân	65.519.828	-	2.873.151.777	(2.450.049.274)	488.622.331	-
- Thuế nhà đất, thuế đất	-	214.733.742	946.702.313	(876.022.017)	-	144.053.446
- Khoản thuế khác	-	-	9.100.000	(9.100.000)	-	-
Cộng	24.267.676.922	219.199.241	87.843.561.937	(85.100.575.582)	26.939.982.981	148.518.945

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	201.953.289.589	157.621.544.040
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	261.264.250	675.189.569
+ Phân bổ Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất	6.288.863.508	6.288.863.508
+ Lỗi trong năm của các công ty con	1.909.477.116	-
+ Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư vào công ty con bị loại trừ do hợp nhất	-	1.757.883.953
- Các khoản điều chỉnh giảm		
+ Các khoản khác phát sinh từ hợp nhất	2.157.465.845	1.981.646.119
Thu nhập chịu thuế	208.255.428.618	164.361.834.951
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển sang	-	(2.484.925.957)
Thu nhập tính thuế	208.255.428.618	161.876.908.994
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế TNDN nộp theo thu nhập tính thuế trong năm</i>	<i>41.651.085.724</i>	<i>32.375.381.799</i>
<i>Thuế TNDN được giảm 30%</i>	<i>-</i>	<i>224.177.919</i>
<i>Điều chỉnh Thuế TNDN của các năm trước</i>	<i>149.203.823</i>	<i>-</i>
Tổng Thuế TNDN phải nộp	41.800.289.547	32.151.203.880

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chủ yếu là khoản trích trước chi phí bảo hiểm vật chất xe các loại.

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	4.371.938.512	6.010.478.763
- Kinh phí công đoàn	55.973.136	971.048.906
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.315.965.376	5.139.429.857
Cộng	4.371.938.512	6.010.478.763

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	195.695.238.658	195.695.238.658	499.975.875.591	499.975.875.591
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ⁽¹⁾	171.991.807.658	171.991.807.658	198.638.809.317	198.638.809.317
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn ⁽²⁾	23.703.431.000	23.703.431.000	192.044.020.893	192.044.020.893
- Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	-	-	100.293.045.381	100.293.045.381
- Vay các cá nhân	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Cộng	195.695.238.658	195.695.238.658	499.975.875.591	499.975.875.591

Các khoản vay được thế chấp bởi giá trị hàng tồn kho, giá trị còn lại tài sản cố định vô hình với số tiền lần lượt tương ứng là 195.277.672.281 đồng và 10.853.769.151 đồng (xem tại thuyết minh V.6, V.9).

⁽¹⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV HSBC.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời gian: dưới 12 tháng cho mỗi khoản vay;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

⁽²⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời gian: dưới 12 tháng cho mỗi khoản vay;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	499.975.875.591	4.225.213.951.340	(4.529.494.588.273)	195.695.238.658
Cộng	499.975.875.591	4.225.213.951.340	(4.529.494.588.273)	195.695.238.658

18. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế (1)	20.025.733.982	18.385.778.715
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả (2)	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế (1)x(2)	4.005.146.796	3.677.155.743

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ông Đỗ Tiến Dũng	109.486.840.000	22,11	83.528.340.000	22,73
- Bà Vũ Thị Hạnh	68.365.240.000	13,81	64.530.960.000	17,56
- Các cổ đông khác	317.317.740.000	64,08	219.384.690.000	59,71
Cộng	495.169.820.000	100,00	367.443.990.000	100,00

Chi tiết Vốn chủ sở hữu của các cổ đông cập nhật tại ngày 31/12/2021.

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		
	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp	
Cộng	495.169.820.000	495.169.820.000	-

19c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	367.443.990.000	367.443.990.000
+ Vốn góp tăng trong năm	127.725.830.000	-
+ Vốn góp cuối năm	495.169.820.000	367.443.990.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã trích (bằng tiền)	-	(54.915.193.500)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi (bằng tiền)	-	(54.526.819.500)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trích cho cổ đông bằng cổ phiếu (giá trị theo mệnh giá)	(110.225.830.000)	-
- Lợi nhuận đã trích cho Ban điều hành bằng cổ phiếu (giá trị theo mệnh giá)	(3.500.000.000)	-

**19d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	49.516.982	36.744.399
- Cổ phiếu phổ thông	49.516.982	36.744.399
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	(134.270)
- Cổ phiếu phổ thông	-	(134.270)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.516.982	36.610.129
- Cổ phiếu phổ thông	49.516.982	36.610.129
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

19e. Cổ tức

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty ngày 27 tháng 03 năm 2021. Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định chia cổ tức bằng cổ phiếu từ Kết quả kinh doanh của năm 2020 với tổng giá trị theo mệnh giá (10.000 đồng/cp) là 110.225.830.000 đồng (tương đương 11.022.583 cổ phiếu).

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố và đã chia trong năm	110.225.830.000	54.915.193.500
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (bằng tiền)	-	54.915.193.500
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (bằng cổ phiếu, theo giá trị mệnh giá) ^(*)	110.225.830.000	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức đã công bố sau sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

^(*) Cổ tức Năm nay được chia theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ - ĐHCĐ ngày 27 tháng 03 năm 2021.

2817
NG T
HIỆM HÍ
N VÀ T
INV
HỒ

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu kinh doanh xe	5.225.268.819.598	5.185.866.218.731
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	317.407.188.900	373.478.038.819
- Doanh thu hoạt động khác	8.809.299.131	10.207.646.173
Cộng	5.551.485.307.629	5.569.551.903.723

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn kinh doanh xe	4.917.505.461.232	4.916.603.672.207
- Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	270.890.961.709	320.657.770.376
- Giá vốn hoạt động khác	6.362.551.216	10.905.287.016
Cộng	5.194.758.974.157	5.248.166.729.599

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	507.767.524	506.803.323
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.276.432.462
Cộng	507.767.524	2.783.235.785

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	17.567.151.863	40.669.604.829
- Chi phí tài chính khác	9.812.074	75.906.360
Cộng	17.576.963.937	40.745.511.189

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	46.218.829.629	43.762.889.788
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.891.706.180	20.599.031.005
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài và bằng tiền khác	52.589.070.212	50.009.675.205
Cộng	118.699.606.021	114.371.595.998

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	26.669.762.211	28.996.500.438
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.266.848.585	4.998.546.402
- Chi phí lợi thế thương mại	6.288.863.508	6.288.863.508
- Các chi phí bằng tiền khác	11.539.380.309	13.133.106.372
Cộng	47.764.854.613	53.417.016.720





7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ tiền hỗ trợ của Mercedes-Benz Việt Nam	6.423.331.076	7.225.207.405
- Lãi thanh lý tài sản cố định	20.425.678.481	20.969.908.044
+ Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	353.895.896.198	509.993.872.727
+ Giá trị còn lại và chi phí thanh lý TSCĐ	(333.470.217.717)	(489.023.964.683)
- Thu nhập khác	2.293.050.063	14.656.363.809
Cộng	29.142.059.620	42.851.479.258

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	159.847.710.227	125.351.823.081
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	224.342.785	(531.147.075)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	160.072.053.012	124.820.676.006
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	47.965.653	36.610.129
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	3.337	3.409

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	159.847.710.227	125.351.823.081
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	224.342.785	(531.147.075)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	160.072.053.012	124.820.676.006
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	47.965.653	36.610.129
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phát hành thêm sau ngày 31/12/2021 (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	3.337	3.409

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính (hợp nhất) cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt^(). Chi tiết như sau:*

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Đỗ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc miễn nhiệm từ ngày 02/04/2021	450.000.000	1.350.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Tổng Giám đốc bổ nhiệm từ ngày 02/04/2021	1.125.000.000	945.000.000
Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	882.000.000	910.000.000
Ông Trần Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm từ ngày 01/06/2021	434.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	630.000.000	494.000.000
Cộng		3.521.000.000	3.699.000.000
Thù lao thành viên HĐQT	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm từ ngày 02/04/2021	315.000.000	225.000.000
Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 02/04/2021	225.000.000	315.000.000
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Bà Đỗ Ngọc Thùy Trang	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Cộng		1.080.000.000	1.080.000.000

^(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc. Đây là thu nhập tại Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty mẹ.



4. Báo cáo bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- + Kinh doanh xe Ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz;
- + Kinh doanh dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng;
- + Hoạt động dịch vụ khác.

	Kinh doanh Xe Ô tô	Kinh doanh dịch vụ sửa chữa, bán phụ tùng và khác	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần	5.225.268.819.598	326.216.488.031	5.551.485.307.629
Giá vốn hàng bán	4.917.505.461.232	277.253.512.925	5.194.758.974.157
Lãi gộp	307.763.358.366	48.962.975.106	356.726.333.472
Năm trước			
Doanh thu thuần	5.185.866.218.731	383.685.684.992	5.569.551.903.723
Giá vốn hàng bán	4.916.603.672.207	331.563.057.392	5.248.166.729.599
Lãi gộp	269.262.546.524	52.122.627.600	321.385.174.124

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp hàng tồn kho và tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (thuyết minh số V.6, V.9, V.17). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 206.131.441.432 đồng (số đầu năm là 469.041.409.176 đồng).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

6. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022.

Người lập biểu

TRẦN KHÔI NGUYÊN

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



ĐỖ TIẾN DŨNG

303
C
ÁCH
M T C
H
5-7

10
K
P
V
1

128
Đ
NG
THIỆM
V
I
Đ
P, H

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (2)	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020						
Tại ngày 01/01/2020	367.443.990.000	(30.000.000)	(2.234.667.764)	95.961.582.414	4.425.350.567	465.566.255.217
Tăng trong năm	-	-	-	124.820.676.006	531.147.075	125.351.823.081
- Lãi trong năm	-	-	-	124.820.676.006	531.147.075	125.351.823.081
Giảm trong năm	-	-	-	(54.908.239.234)	(708.403.143)	(55.616.642.377)
- Chia cổ tức (bằng tiền)	-	-	-	(54.915.193.500)	-	(54.915.193.500)
- Ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ lệ lợi ích CĐKKKS phát sinh trong năm	-	-	-	6.954.266	(708.403.143)	(701.448.877)
Tại ngày 31/12/2020	367.443.990.000	(30.000.000)	(2.234.667.764)	165.874.019.186	4.248.094.499	535.301.435.921
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021						
Tại ngày 01/01/2021	367.443.990.000	(30.000.000)	(2.234.667.764)	165.874.019.186	4.248.094.499	535.301.435.921
Tăng trong năm	127.725.830.000	554.927.236	2.234.667.764	160.072.676.423	(224.342.785)	290.363.758.638
- Lãi trong năm	-	-	-	160.072.053.012	(224.342.785)	159.847.710.227
- Thu tiền tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	554.927.236	2.234.667.764	-	-	2.789.595.000
- Bổ sung từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	110.225.830.000	-	-	-	-	110.225.830.000
- Bổ sung từ thưởng ban điều hành bằng cổ phiếu (1)	3.500.000.000	-	-	-	-	3.500.000.000
- Bổ sung từ thu tiền phát hành thêm cho người lao động (1)	14.000.000.000	-	-	-	-	14.000.000.000
- Chênh lệch giữa giá phi khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm	-	-	-	623.411	-	623.411
Giảm trong năm	-	-	-	(113.857.216.884)	(1.802.304.902)	(115.659.521.786)
- Chia cổ tức (bằng cổ phiếu)	-	-	-	(110.225.830.000)	-	(110.225.830.000)
- Thường Ban điều hành bằng cổ phiếu (1)	-	-	-	(3.500.000.000)	-	(3.500.000.000)
- Ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ lệ lợi ích CĐKKKS phát sinh trong năm	-	-	-	(131.386.884)	(1.802.304.902)	(1.933.691.786)
Tại ngày 31/12/2021	495.169.820.000	524.927.236	-	212.089.478.725	2.221.446.812	710.005.672.773

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất)

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ SỬ DỤNG

- (1) Được thực hiện theo Nghị quyết HĐQT số 21 và số 22 ngày 25/06/2021 đã được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/ĐHCD ngày 27/03/2021 thông qua.
(2) Chi tiết tình hình tăng giảm Lợi ích của cổ đông không kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ Công ty CP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Ô tô PTM	Tại ngày		Lãi(Lỗ) trong năm công ty con	Tại ngày 31/12/2021
	01/01/2021	31/12/2021		
	1.677.351.088	(269.521.848)	-	1.407.829.240
	2.570.743.411	45.179.063	(1.802.304.902)	813.617.572
Cộng	4.248.094.499	(224.342.785)	(1.802.304.902)	2.221.446.812

Người lập biểu

TRẦN KHÔI NGUYÊN

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

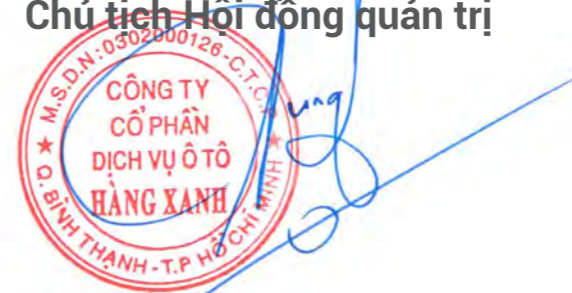
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022.
Chủ tịch Hội đồng Quản trị





TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Chủ tịch Hội đồng quản trị



ĐỖ TIẾN DŨNG



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH



333 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh



(028) 3512 0026 - (028) 3512 0025



haxaco@haxaco.com.vn



www.haxaco.com.vn